

Phụ-nữ Tân-văn

XUẤT BẢN NGÀY CHỦ NHẬT

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° A 468



Phân sơn tô diêm sơn-hà
Làm cho rõ mặt đàn-bà nước Nam

TÒA-BÁO

(RÉDACTION ADMINISTRATION)

N° 48, Rue Vannier, N° 48

SAIGON

DÉPÔT LÉGAL
N° 3500 ex
Saigon le 24-8-1932

GIA-CHÀNH

Gia Chánh là một cuốn sách rất cần thiết cho mỗi nhà.
Sách này dày đến hơn 200 trang, in toàn giấy tốt để dành, trong cuốn sách này chia ra làm 4 phần rành rẽ.

Phần thứ nhất. — Chỉ cách nấu lới một trăm món ăn thường. — 20 món đồ bát. ít món đồ chay.

Phần thứ nhì. — Chỉ cách làm 80 món bánh và 30 món mứt.

Phần thứ ba. — Bàn về cách sắp đặt cỗ bàn, việc ăn uống, cách chưng dọn, cách tiếp đãi vân vân.

Phần thứ tư. — Phụ thêm mục gia-đình thường-thức để giúp chị em việc vật-vạnh trong nhà.

Giá: 0\$80

SÁCH GIA-CHÀNH CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SAU ĐÂY:

Bàclieu: Dinh-Song
Sóc-trăng: Lý công-Quận

Cầntho: { An-hà Ân-quân
 { Hồ-lưu-Tử
 { Lê-hữu-An

Travinh: Mach-khai-Hà
Rachgia: Trần-tát-Khiêm
Vinhlong: Nguyễn-thành-Liền
Sadec: Võ-dinh-Dinh
Bentre: Văn Võ-Vân
Mytho: Nam-Cường
Gocong: Thái-ngọc-Bính

Paom-Penh (Namvang): { Magasin
 { Franco-Khmer
 { Huỳnh-Tri

Huế: { Lê-vân-Đông
 { Quan-Hải

Tourane: { Lê-thừa-An
 { Trần-Chí

Vinh: Tam-kỳ Thư-quán
Thanhhoa: Chu-dinh-Quán

Còn vị nào ở xa muốn mua xin gửi mandat theo thơ phụ thêm 0\$20 tiền gửi và để cho Phu-nữ Tân-vân Saigon, thì sẽ tiếp được sách.

Phòng Trưng Răng

BÀ HAMON - CORBINEAU

Y-khoa đại-học Paris

Cách kim-thời
không đau đớn 164 rue Pellerin
Làm răng vàng Tél. n° 914.
⇒ Giá rẻ.

Bán hột xoàn có tiếng đã 20 năm nay.

XIN QUI BÀ QUI CÓ CHIẾU CỎ

O. M. IBRAHIM & C^{ie}

44, Rue Calinat, 44

SAIGON

Ba chuyện mới trong căn nhà

Số 136 đường Lagrandière, sau chợ mới Saigon

Chuyện thứ 1. — Thầy thuốc Annam đã nổi tiếng khắp lục-tỉnh trên 40 năm là ông Đặng-thúc-Liêng (trước ở số 130 đường La Grandière) vừa dời phòng xem bệnh về đây mà thân-chủ đã hay nên tới đồng lâm.

Chuyện thứ 2. — Một vị giáo-sư Annam vừa tìm được phương-pháp dạy chữ Ang-lê rất mau hiểu, biết.

Chuyện thứ 3. — Có người hứa dạy chữ Tàu cho ai đã biết ít nhiều mẹo-luật Pháp (Grammaire française) trong sáu tháng có thể đọc được sách. (Cũng có lãnh dịch các thứ chữ: Ang-lê, Pháp và Tàu ra Quốc-ngữ.)

BALLES PING-PONG CHAMPIONNAT ĐẦU ÔNG CỌP

Qualité supra, tốt nhất mà rẻ nữa.
Bán lẻ 1\$80 một lô. — Bán sỉ tính giá riêng
NGUYỄN-VĂN-TRẦN
94-96, rue Bil Bonnard, Saigon — Téléphone n° 178
ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VÂN MÀ IN LÂM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)

PHU NỮ TÂN VAN

Năm thứ tư, số 165 — 25/Août 1932

Chủ-nhơn: M^{me} Nguyễn Đức Nhuận
Chủ-nhiệm: M. Nguyễn Đức Nhuận
Báo-quán: 48, Rue Vannier Saigon
Số dây số: 888, Saigon
Dây thép lắt: Phunutanvan Saigon

Giá báo — Một năm 6\$00 — Sáu tháng 3\$50 —
Ba tháng 1\$80 — Mua báo phải trả tiền trước, thơ từ
và mandat xin gửi cho M. Nguyễn-Đức-Nhuận chủ-
nhiệm Phụ-nữ Tân-vân, 48, Rue Vannier Saigon.

RẤT NÊN CHÚ Ý

*** KỶ NÀY CÓ BÀI ***
HÁN VĂN ĐỘC TU THỨ II

Trước khi học đến bài thứ II, hãy nhớ học
bài thứ I cho thuộc lâu ở trong số báo trước.

NHÀ BÁO ĐỐI VỚI XÃ HỘI



Hôm thượng-tuần tháng Août, ông Bùi-quang-Chiêu có đăng một bài trong *Đuốc-Nhà-Nam*, đề là « Nhà báo đối với xã-hội ». Nơi gần chót bài, ông có nói một câu rằng: « Nhà báo là cái diễn-dàn trong nước, người làm báo phải lo làm sao cho cái dàn ấy được rõ-ràng tỏ-rạng... thì trên Chánh-phủ dầu ưa hay không cũng phải vị-nể, dưới quốc-dân dầu hợp ý cùng không cũng đều một lòng khâm phục. »

Cái vấn-đề làng báo là cái vấn-đề quá cũ lắm rồi. Mấy lời của ông đó cũng gần như những câu sáo mà tay kỹ-giả nào cũng nói được. Có lẽ nào một nhà ngôn-luận lão-thành như ông Bùi đã hết chuyện nói sao mà phải dở nó ra?

Không; không có lẽ thế. Ông Bùi lâu nay ít thấy có bài trên báo quốc-văn, hôm nay mới có một bài mà lại đem chuyện làng báo ra bàn, sự ấy, ta cũng nên dòm thấy đến chỗ dụng ý của ông.

Nếu chúng tôi đoán không lầm thì cái bài xã-thuyết *Đuốc-Nhà-Nam* ra ngày 8 Août của ông lãnh-tu đảng Lập-hiến không phải là một bài gộp thì viết, nhưng chính là một bài viết có dụng tâm; nó ra rất phải thời, vì nó thấy mặt trời liền theo sau cuộc bút-chiến (!) dây-dưa mà vô-ý thức, vào lúc làng-báo quốc-văn ở Namkỳ ta đương tối-tăm lăm.

Trong cuộc bút-chiến ấy, *Phụ-nữ Tân-vân* chúng tôi bị công-kích, nay chúng tôi trở ché nó là vô-ý-thức, người ta có thể ngờ được lời phê-bình của chúng tôi là vô-giá-trị. Thôi thì bỏ chúng tôi ra, xin hỏi thử hàng người tri-thức trong cả nước, có ai nhìn nhận được sự công-kích chúng tôi đó là chánh đáng chăng? Sau khi mỗi người tự trả lời lấy cho mình rồi, sẽ thấy làng báo ta đương triêu-bày ra cái hiện-tượng phân thường, cái diễn-dàn chung của xứ ta đương ở vào thời-kỳ hắc-ám, thật không có thể giấu-gim ai được hết.

Vậy thì ông Bùi đem câu chuyện làng báo đối với xã-hội ra mà nhắc-nhờ cho hết thấy các bạn đồng-nghiệp chúng ta, là phải lắm; chúng ta nên cảm ơn ông.

Riêng về phần chúng tôi, muốn có đôi lời tiếp theo ông đề tỏ bày đều hơn sự thiệt. Không khách-tình gì cả, chúng tôi xin mượn ngay cái đầu đề của ông mà đổi chữ « làng » ra chữ « nhà ».

Ông Bùi có ý nhắc đến những danh-dự trách-nhiệm của toàn-thể báo-giới đối với xã-hội là thế nào, để những người cầm bút nhớ mà hằng ngày đề-tình lấy mình. Ông dùng những câu « trên Chánh-phủ vị-nề, dưới quốc-dân khâm-phục » làm tiêu-chuẩn cho nghề làm báo, và cũng kỳ-vọng cho làng báo ta được bậc đó.

Muốn cho cả làng báo hay là toàn-thể báo-giới quốc-văn ta tới được bậc đó, phải có chỗ bắt đầu. Chúng tôi tin rằng bắt đầu từ từng nhà báo một. Bởi vậy đổi một chữ đầu-đề của ông Bùi, hôm nay chúng tôi bàn về « nhà báo đối với xã-hội. »

Tờ báo nào khi mới ra đời cũng hô lên rằng mình làm cơ-quan công-cộng của cả quốc-dân. Nhưng về sau càng ngày càng xao-lãng, có mấy ai giữ mà thiệt-hành theo cho đúng? Ấy, cái bệnh căn của nhà báo xưa ta là ở đó. Vì đó mà sanh ra lắm điều đáng trách.

Nếu quả thật-tình chịu làm cơ-quan chung cho cả quốc-dân thì giờ nào cũng vừa ngó tờ báo mình vừa ngó quốc-dân hết, chớ có vì khoái ý riêng mình mà công-kích kẻ khác đâu? Ý có tờ báo, muốn công-kích ai thì công-kích, không nhằm vào sự lợi-hại của quốc-dân, của công-chúng, đó là một cái tội-ác trong nghề làm báo, mà chúng ta phải chữa đi mới đặng.

Trong khi người ta công-kích đó, người ta cũng lấy danh-nghĩa quốc-dân, cũng nói về sự lợi hại của quốc-dân, nhưng mà buồn cười lắm, trong khi ấy quốc-dân lại cầm tờ báo của họ mà chán-ngán, ai nấy than rằng không muốn đọc!

Phải, đương lúc trong nước nhiều việc, thiếu gì vấn-đề đáng nói mà lại không nói, trở đi công-kích xằng, thì đối với những tờ báo ấy, có ai hoan-nghinh nó làm chi?

Một nhà báo làm như thế, đời ba nhà báo cũng bắt chước làm như thế, rồi cả làng báo mang tiếng chung, còn chi là danh-dự? Đến như trách-nhiệm? Hề làm vậy là đã dõ trách-nhiệm của mình mà vứt đi rồi, không đợi hỏi!

Vậy mà mong « Chánh-phủ vị-nề, quốc-dân khâm-phục » được sao? Có người không biết rõ, đến nỗi họ lại tưởng trong làng báo Annam tranh ăn tranh uống với nhau làm sao đó, mới thật là hại cho chớ!

Hề nhà báo mà cứ theo ý mình, con mắt không chịu nhìn vào xã-hội, lấy tờ báo của mình mà làm cái lợi-khi để công-kích cá-nhân, thì cái kết-quả nó phải đến như thế.

Nay muốn cho làng báo được quang-vinh, toàn-thể báo-giới Việt-nam mở mày mở mặt với thiên-hạ, thì mỗi một nhà báo ta phải quay đầu trở lại mà làm theo thiên-chức mình mới được.

Cái thiên-chức ấy bảo chúng ta phải lo việc ích chung mà đừng nghĩ đến lợi riêng, bảo chúng ta không nên ngó chăm cá-nhân mà phải luôn luôn nhớ mình ở cái địa-vị đối với xã-hội, bất kỳ về phương-diện nào cũng thế.

Bao giờ trong hết thấy nhà báo quốc-văn ta, mỗi một nhà đều làm trọn cái thiên-chức ấy, bấy giờ làng báo ta mới kể được là có trách-nhiệm, có danh-dự đối với xã-hội ta vậy.

P. N. T. V.

Al là bạn thiết của Quốc-văn Việt-nam, thì nên chịu khó cố động cho nhiều người xem mục « Hán văn độc tu » của Bồn-báo. Hôm nay đã có bài thứ nhì, vậy xin độc-giả hãy chú ý.



THỜI SỰ' ĐOÀN BÌNH

Trước khi lập-hiến nên cải-cách triều-nghị

Phu-nữ Tân-văn số vừa rồi, nơi mục này, có nói đến chuyện lập-hiến ở Trung-Bắc-kỳ, là chuyện đã thấy cao-rao từ trước, mà nay có tin đực Hoàng-đế Bảo-dại hồi loan, có lẽ nó sẽ kịp thời mà thiệt-hiến.

Không ngờ gần đây xem báo l'Annam Nouveau của ông Nguyễn-văn-Vinh, thấy có một bài nói về cách sắp-đặt nghinh-giá của các cụ đại-thần ở Triều-dinh Huế, thì ra như hiện bây giờ ở ngoài người ta đương quan-tâm nhất là việc triều-nghị, chớ chưa nói gì đến hiên-pháp.

L'Annam Nouveau có thuật chuyện, nói quan thượng Võ-Liêm trước đây có gửi một bức thư cho quan Khâm-sứ, hỏi về sự trong lúc Hoàng-thượng về, các ông Dân-biểu vào yết-kiến, nên dùng nghi-tiết nào? Nghĩa là các ông Dân-biểu cũng phải mặc áo rộng xanh, quần điều, làm lễ bái quỳ theo triều-nghị như các quan, hay là được bắt tay, được mời ngồi như khi các ông ấy vào yết-kiến quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ?

Về bên các ông Dân-biểu thì, l'Annam Nouveau lại cũng cho chúng ta biết, họ nhất định không chịu làm theo triều-nghị. Tức như ông nghị-trưởng Nguyễn-Trác có tỏ ý rằng chỉ thì chỉ, chớ cái lay, ông xin kiểu!

Theo chúng tôi nghĩ, phải chỉ sau này không có cuộc lập-hiến thì thôi, sự tranh-chấp về triều-nghị đây cũng chẳng lấy gì làm quan-trọng. Ngặt vì rồi đây tình lập-hiến, mà mới bước đầu, bên triều-dinh với bên Dân-biểu đã có đều chích-mác nhau, như thế há chẳng hơn việc nhỏ mà hại đến việc lớn ư?

Thật, trong việc này cả hai bên cũng đều có chỗ khó lòng cả, nếu chẳng tùy thời chăm-chước thì không tài nào giải-quyết sự tranh-chấp ấy được.

Các ông Dân-biểu với các quan triều-thần cũng đồng làm lời hết, nếu một bên phải lay, một bên khỏi lay, thì cũng ngặt cho bên triều-thần. Còn nếu bắt mấy ông nghị-viên cũng lay như các quan, thì đã khuất-phục ở dưới quân-quyền rồi, còn gì thay mặt cho quốc-dân nữa? Bên nào cũng muốn cho được việc mình, vì vậy mà sanh ra tranh-chấp.

Mà sự tranh-chấp ấy gốc ở cái lay mà ra. Kêu bằng triều-nghị, cũng chỉ là cái lay đó. Tức như không có cái lay, thì hai bên đều xuôi-ro cả, có tranh-chấp gì?

Ước gì các quan dinh-thần như dịp này tâu với Hoàng-thượng sửa-đổi triều-nghị đi. Dầu cho các quan tại triều cũng đứng lay vua nữa. Các quan đã khỏi lay thì tự-nhiên các ông Dân-biểu không lay cũng không ai trách.

Như thế thì khỏi có sự tranh-chấp nữa. Bên triều-thần với bên nghị-viên có đồng-tình với nhau rồi mới nói chuyện lập-hiến được.

Nên kịp trước khi Hoàng-thượng chưa hồi loan mà ban-bố cái lệnh cải-cách triều-nghị đi. Như thế cũng là một sự nhất-lân nhi-mục của tân-quan, mười phần có lợi cả mười chớ chẳng phần nào là hại, tưởng các cụ đại-thần nên để ý.

Đức Bảo-dại gần đây, ngài cũng khuy-nh-hướng về bình-dân-chủ-nghĩa; coi như viết thư cho mấy nhà thế-thao Nam-kỳ, ngài xưng « anh » xưng « tôi » mà không thêm chữ « quả nhân » thì đủ biết. Cho nên, nếu các quan bàn đến việc cải-cách triều-nghị, bỏ lay, chúng tôi dám chắc rằng ngài cũng vui lòng mà chuẩn y cho.

Dân-gian phải giúp công vào việc giáo-dục cho Chánh-phủ

Nước nào cũng vậy, ngoài các trường-học nhà nước lập ra, có các trường tư. Các trường tư ấy là của dân-gian mở ra để giúp công vào việc giáo-dục cho chánh-phủ, kéo chánh-phủ nhiều việc, sợ e lo không châu-đáo.

Như người Tàu kiều-ngụ ở Nam-kỳ ta, chánh-phủ họ lại không hề lo đến việc giáo-dục cho họ chút nào cả, họ phải tự lo lấy họ. Núi nội Saigon, Cholon, các trường học Tàu vừa nhỏ vừa lớn có đến trăm trường, thì đủ thấy họ chăm lo về việc giáo-dục cho con em họ là dường nào.

Còn người mình ở trên Vientiane, con nít có đến hàng ngàn, mà mới rồi thấy một tờ báo Bắc-kêu-réu, nói không có một cái trường tư nào cả, có người lính lập mà bị trở-ngại thế này thế kia, cũng

người Tàu chịu nhiều ảnh hưởng của bà làm.

Cái thuyết sản dục hạn-chế của bà Sanger tóm tắt lại như vậy :

Hiện nay trong thế-giới có một cái vấn-đề rất trọng-đại mà cứ ở trước mặt mọi người luôn luôn, ấy là số người ta dư-dật ra. Có một vài dân-tộc, sự dư-dật ấy đã thành ra như một cái bệnh không thể chữa được, lâu lâu lại nhờ sức tự-nhiên là như thiên-tai, cơ-cần, tật-dịch sa-thải bết đi cho. Sự đó, coi như nước Nga, nước Tàu, nước Ấn-độ thì thấy. Còn ngoài ra, các dân-tộc khác biết lo xa giữa trước, sợ có phen cũng bị sa-thải như cách ba nước ấy thì họ lại lo tìm đất thêm để chứa cái số dư-dật, nhưng làm vậy thì kết-quả lại là đánh nhau hay sửa soạn đặng có đánh nhau chứ không gì lạ.

Có người say-mê cái thuyết có chiến-tranh mới có tân-hóa rồi nói đánh nhau cũng không hại chi. Nhưng nếu giữ được cho khỏi đánh nhau, cứ tân-hóa mà đừng chiến-tranh, chẳng hay hơn sao ?

Số người dư-dật quá, thường thường làm cho nhà nghèo càng bị thiệt hại. Nhà nghèo mà đông con quá, muốn nuôi chúng nó cho sống, không luôn người ta trả công giá cho rẻ đến đâu cũng phải chịu. Rồi thì con cái ăn không đủ, mặc không đủ, nuôi dạy không đủ, cho đến cái nhà cũng chật-hẹp, không đủ chỗ mà ở. Người vợ trong những nhà ấy, bởi làm việc nhọc mệt quá thì không đáng đẻ con, nhưng cũng lại đẻ con luôn. Đẻ con ra, có đứa thì nuôi được, có đứa thì chết. Thường thường, trong năm đứa, một đứa không đủ sức sống mà chết đi, còn bốn đứa kia đều không chết chứ cũng không phải

là đủ sức sống gì hơn đứa chết.

Từ ngày tru-sanh-học (eugénique) thành-lập là một khoa-học, đã có nhiều người quan-tâm đến cái tiên-đo của loài người. Hiện trong loài người hết một phần đồng mắc phải cái chứng tinh-thần bạc-nhuộc, sự này là một vấn-đề nguy-hiểm và nhà tru-sanh-học đương lo giải quyết. Họ đã mở ra Quốc-tế đại-hội, đề-xuất mấy phương-pháp cai-lương nhân-chủng Họ muốn kiếm cách cấm những cha mẹ nào có bệnh và khờ-dại thì không được đẻ con ; lại bắt những kẻ không làm được mà ăn phải ở dưới quyền quản-trị của xã-hội. Tuy vậy họ chỉ mới giải quyết một phần vấn-đề ấy mà thôi, chứ chưa phải giải quyết cả toàn-thể.

Nhà tru-sanh-học cốt chỉ cấm giống xấu đi đẻ cho giống tốt này-nở ra, đều đó vẫn phải ; nhưng về sự ăn mặc cho đủ, ở cho đủ, nuôi dạy cho đủ thì như họ quen không nghĩ đến. Để cho giống tốt này-nở ra, được rồi ; nhưng ngộ khi giống tốt này-nở ra nhiều quá mà ăn mặc và ở không đủ, nuôi dạy không đủ, thì giống tốt cũng lại phải trở nên giống xấu.

Cho nên, tru-sanh-học chưa đủ sức giải quyết vấn-đề ấy đâu. Vấn-đề này thuộc về dân-bà ; dân-ông, nhà khoa-học hay là chánh-phủ không có thể giải quyết được, phải dân-bà tự giải-quyết lấy.

Nói đến đây là đã đa-động tới sự hạn-chế sanh-sản rồi. Vả chăng, sự đẻ đứa bé ra là chức-vụ của người đàn-bà ; vậy thì muốn đẻ nhiều hay ít, tùy sức mình mà hạn-chế cái số-mục đứa bé, tự-nhiên cũng là chức-vụ của người đàn-bà nữa vậy. Cái số mục đứa bé của một người đàn-bà đẻ ra

phải theo sức mạnh của mẹ nó, lại còn phải theo liền công đầu vào của cha nó, phỏng có đủ đồ mà ăn, đủ chỗ mà ở, đủ áo mà mặc, đủ số-phí mà đi học hay không nữa.

Hiện nay hết thầy phụ-nữ đều chưa làm trọn cái chức-vụ ấy ; mà hễ khi họ còn chưa lấy được cái quyền tự-do để làm trọn chức-vụ ấy thì ắt là không làm được. Từ trước đến giờ phụ-nữ vẫn khuất-phục dưới ý-chí đàn ông, thành ra họ cũng không nghĩ đến cái họa « nhân mãn » mà nhìn biết chức-vụ của mình nữa ; chứ theo sự thiệt mà nói thì đàn bà ai nấy đều muốn sanh đẻ ít bao nhiêu thì khoẻ bấy nhiêu. Thật vậy, đẻ con nhiều quá, làm cho người đàn-bà già nữa đời mất thì giờ vào việc ấy chứ không lo-toan được tới việc khác. Còn nói về phương-diện đứa bé, đứa nào cha mẹ nó không vui lòng đẻ ra mà trót lỡ đẻ ra, thì có phải đối với chính mình nó là một sự mất giá-trị, đối với gia-đình là một sự báo-hại thêm không ? Thế thì nếu có cách hạn-chế đi mà đừng đẻ nữa, chẳng là đầu đó lường toán hết thầy ?

Bà Sanger tự xưng mình là kẻ rất kính-trọng cái quyền tự-do của cá-nhân ; nhưng vì các lẽ trên đó, đối với quyền tự-do sản-dục, bà phải chủ-trương hạn-chế. Việc đẻ con ngày nay, chúng ta coi như là nghĩa-vụ (devoir), nhưng bà muốn cho về sau sẽ coi như quyền-lợi (droit) ; nghĩa là duy có người nào đủ quyền sanh-đẻ thì mới được sanh-đẻ, đã vậy mà lại còn phải hạn-chế theo cách rất nghiêm.

Người thế nào là đủ quyền sanh đẻ ; người thế nào là không đủ quyền sanh-đẻ, đây lược chia ra bốn hạng mà cắt nghĩa.

1. Phạm cha mẹ nào có mang

bệnh di-truyền trong mình thì không được đẻ con. Bệnh di-truyền là như điên, khủng, có chứng thần-kinh. Điều này không cần nói nhiều hơn mà có lẽ ai cũng rõ. Bởi vì nhơn-khẩu theo cấp-số ký-hà mà tăng gia : hai rồi lên bốn, bốn rồi lên tám, rồi lên mười sáu..... vậy nếu cho người có bệnh di-truyền cũng được phép sanh-đẻ thì sau vài trăm năm đây nơi nào cũng sẽ đầy tràn những người bệnh.

2. Những người có trọng bệnh không được phép sanh đẻ. Như những người có bệnh phổi hoặc bệnh trái tim, tuy chưa chắc là di truyền, nhưng khi thấy thuốc chưa chứng-minh là vô bệnh thì cũng phải tạm đình đi, không nên sanh đẻ.

3. Con gái rất ít là phải đầy hai-mươi-ba tuổi mới cho đẻ con, chứ không thể cho sớm hơn nữa. Tuy con gái hồi dưới hai-mươi cũng có thể đẻ ra đứa con mạnh mẽ được ; nhưng chúng ta còn trông cho đẻ đứa con khôn chứ chẳng những mạnh mà thôi ; vậy thì muốn cho con đẻ con khôn, ắt phải đợi người mẹ nó ngoài hăm-ba tuổi là khi trí-thức đã phát-đạt.

Bà Sanger chủ-trương kết hôn phải cho sớm mà đẻ con phải cho muộn. Theo ý bà, sau khi kết-hôn rồi, dùng các phương-pháp hạn chế sản-dục, rồi đợi cho đến ngày vợ chồng đủ sức làm cha mẹ, mới cho đẻ con. Bởi vì kết-hôn sớm thì dễ bết được ít nhiều tội-ác của xã-hội như điếm-đĩ, bệnh lậu, bệnh tiêm-la, là những điều dễ thấy.

4. Người làm mẹ nếu ở trong cơn làm việc mệt-nhọc quá mà không có giờ nghỉ thì cũng không nên đẻ con. Bởi vì những mẹ ấy đẻ con ra, thì đứa con ắt là không nở-nang, không số-sửa. Người ta đã điều-tra ra mà biết rằng một người con gái từ hồi mười-

TAP TRU

Số mạng

Tac ta thường nói « số mạng ». Nhưng thành hien đời xưa nói « mạng » chứ không nói « số ». Như Khổng-lữ nói « biết mạng trời » Tử-Tư nói « người quàn-tử ở nơi bần-y - phỏng để chờ mạng » ; Mạnh-lữ nói « cầu đó có đạo, dặng đó có mạng » ; phải vậy.

Mạng là gì ? Nay cứ theo những lời thành hien mà tìm xét đến cái nghĩa của nó thì hình như mạng là cái định-danh-lữ của sự không thể hiểu biết. Nhan-Uyển bình nhứt cũng hành thiện, ăn ở cũng theo vệ-sanh, cơ sao lại chết yểu ? Khổng-lữ đạo cao hơn Nghiêu Thuấn, cơ sao lại chẳng hành đạo được như đế-vương đời xưa ? Ai chủ-trương sự ấy ? Cái gì xui-khieu ra điều đó ? Suy nghĩ cho tới cũng không hiểu là tại đâu, bên đó cho trời, đó cho mạng. Trời là đấng chủ-trương ; mạng là sự xui-khieu. Cũng như giữa chúng ta đây có người học thật giỏi mà thi hoài không đậu ; không hiểu vì lẽ gì, chúng ta bên nói rằng : « Học mặc tài, thì mặc phận » — phận cũng tức là mạng vậy.

Người xưa cũng có nói : « Biết nó là không phép làm sao được mà an đó như là mạng » (Tri kỷ vô khả nại hà nhi an chi nhược mạng). Thế thì mạng cũng lại là cái kết-quả của sự vô-khả nại-hà nữa. Trong câu ấy có chữ « như là » (nhược), làm cho chúng ta hiểu thêm một chút : hiểu rằng cái kết-quả « mạng » đó chưa chắc có thật ; nếu nhìn rằng chắc có thật, thì thì cứ nói an mạng hẳn đi, chứ con nói « như là » vào làm chi ?

Mạng là thế. Bởi thế nên Khổng-lữ

hai, mười - ba tuổi, làm công trong xưởng, rồi ra xưởng một cái là lấy chồng ngay, không kịp nghĩ ngợi chi hết, thì đẻ ra con, mười phần hết chín là khờ-dại. Cái hiện-tượng ấy, ta nên cố mà tránh cho khỏi. Chúng ta sanh con cho loài người, không phải cầu tăng-gia số mục mà cầu tăng-gia tư-cách. Tội nghĩ nếu loài người có mấy đều hạn-chế về tiêu-cực ấy, về sau đẻ con ra chắc sẽ tốt hơn.

(Còn nữa) G. T. thuật

« ít nói mạng », vì nói nó chẳng ích chi mà lại sợ người ta hiểu lầm. Số mà « cũng không khỏi ». Sau Khổng Mạnh chứng nào, người ta hiểu nghĩa chữ « mạng » cũng sai.

Hàng giờ đem mấy ông nhà nho ra mà hỏi họ, đi họ trả lời rằng « n-ang » là cái Trời định cho người ta từ hồi mới sanh ra, về sau giàu hay nghèo, sang hay hèn, thọ hay yểu, đều bởi đó cả, và người ta không có thể trốn-lánh đi hay thay đổi đi được.

Một đàng cũng đương rồi mới đẻ cho mạng, một đàng một sanh ra là đã có mạng ; Người đời nay với thành hien đời xưa hiểu nghĩa chữ mạng khác nhau là ở đó.

Người đời nay và lại ít nói mạng tron, mà luôn luôn đi kèm với số, nói « số-mạng ». Rút cục lại, họ bỏ cả nghĩa-lý chữ « mạng » trong sách vở thành tiền ; nhưng họ chỉ nhìn số « Tử-vi » hay « tử-bình » là mạng đó thôi !

Cách đoán số này lấy can chi làm gốc, tức là giáp, ất, bình, đinh v. v. và lý, sừ, ần, meo v. v. ... Đại-đoan số một người nào thì lấy những can chi của năm, tháng, ngày, giờ của lúc người ấy sanh ra, rồi dựa vào lẽ ngũ-hành sanh-khắc mà đoán biết tốt xấu. Cái thuật đoán số này nghe như hoang-đương mà cũng như huyền-diệu, thật là khó biết. Xưa nay cũng có nhiều người công-kích nó dữ lắm, tuy vậy người ta vẫn tin.

Trong những thuyết công-kích, có thuyết này là mạnh hơn hết, vì nó làm cho cái thuật đoán số lang-tay đến tận gốc. Ấy là cái thuyết của ông Trương-duy-Bình, người nhà Thanh, trong bài « Nguyên mạng », ông nói rằng :

« Thuật đoán số là nhờ lấy can chi ghép vào năm, tháng, ngày, giờ. Mà sự lấy can chi ghép vào năm là bắt đầu từ đời vua Nghiêu. Song cái năm đầu vua Nghiêu lúc ấy, mỗi sách nói khác nhau không nhất trí. Sách Thông-giám nói là năm giáp-thìn, sách Trúc-tho nói là năm bính-tý, sách Lễ-sử nói là năm mậu-dần, sách Sơn-đường-khảo-sách nói là năm quý-vị ; mỗi nhà một thế, chúng biết ai là đúng ! »

Vậy thì cái can chi ghép vào mỗi năm theo như lịch ngày nay lấy chớ gì là đúng đâu ? Cái gốc mà đã không đúng thì suy ra ngũ-hành sanh-khắc đều phải trật hết, làm cho sự đoán số không có thể tin được.

Cái thuyết của họ Trương đây thấy dẫn ra trong sách Thu-vô-khâm-tây-bút.

NỮ QUYỀN Ở BÊN PHÁP

**Ý-kiến của quan cựu tổng
thông Raymond Poincaré**

Như chúng tôi đã có nói chuyện với độc-giả, mấy lúc sau này Hạ-nghị-viện nước Pháp đã nhiều phen tỏ ra cái khuynh-hướng tôn-trọng nữ-quyền và bỏ thăm nhìn-nhan cho đàn-bà được hưởng quyền tuyền-cử; nhưng còn Thượng-nghị-viện thì lâu nay vẫn một mực phản-đối sự giải-phóng cho đàn-bà.

Thế là về vấn-đề này, ý-kiến của Thượng Hạ hai nghị-viện thành ra lại xung-đột nhau một cách rõ-ràng vậy.

— Sự xung-đột ấy có hại gì cho tinh-hình chánh-trị trong nước chăng?

Ấy là câu của ông Jean Thouvenin, phóng-viên ở báo *Intransigeant*, đã đem hỏi ông Raymond Poincaré, tổng-thống nước Pháp ngày trước.

— Những sự xung-đột, ông Poincaré trả lời, ở giữa Hạ-nghị-viện và Thượng-nghị-viện thì từ trước đến giờ vẫn thường có luôn, mà từ rày về sau cũng sẽ còn có nữa. Tuy vậy nhưng chưa hề thấy nó làm gì trở ngại đến sự động-tác của chế-độ đại-nghị hết thảy. Bởi thế nên chỉ Hạ-nghị-viện thì vẫn sẵn lòng cho đàn-bà được hưởng quyền tuyền-cử, mà Thượng-nghị-viện thì lại phản-đối.

Rồi ông Poincaré lại nói thêm:

— Về vấn-đề ấy, tôi phải nói rõ rằng tuy làm nghị-viên Nguyên-lão mặc dầu, tôi vẫn biểu-đồng-tinh với mấy ông Hạ-nghị-viện và muốn cho phụ-nữ được hưởng những quyền-lợi về chánh-trị. Làm như vậy, thật là một việc cải-cách hay lắm.

L. Đ.

**THUỐC TRỪ TUYỆT BẠCH
THỐM TRỪNG**

SAN XƠ - MÍT - TENIA

Thơ cảm tạ sẽ đăng lên báo.

Ái dùng không lãnh xin cam đoan trả tiền lại, đau lâu dùng 2 hộp, mỗi hộp 0\$50. Thuốc dễ uống và tinh chất hiền lành. Chúng tôi lại có bán thuốc trị đủ các chứng đau răng, giá trẻ đều đúng hay cả.

M. NGUYỄN-TRUNG-THÂM
QUANG - XA ĐỒNG - HỚI

Sách Mẹo Nguyễn-ngọc-Ẩn

Muốn viết chữ Pháp cho đúng cách (modes) và thì (temps) thì nên mua cuốn:

L'Emploi des Modes et des Temps des verbes en français của ông Nguyễn-ngọc-Ẩn mà đọc. Sách dày 180 trang, giá bán 1\$50 một cuốn. Mua sỉ và mua lẻ xin do nơi:

NHÀ-IN NGUYỄN-KHẮC
100 rue Lagrandière
SAIGON

Một nhà nữ danh sĩ



Gyp hồi còn trẻ và Gyp khi đã già

kính và kêu là «bà Gyp» thì bà không ưa.

Suốt đời của Gyp, từ trẻ tới già, không lúc nào là ngớt làm văn làm sách, và chỉ lấy sự ấy làm vui.

Sanh ra ngày 15 Aout 1849, phải chi Gyp sống rần đến ngày 15 Aout 1932 thì vừa đúng 83 tuổi.

Trong những quyển sách đã làm cho Gyp nổi danh, chúng tôi xin kể: *Autour du Mariage, Autour du Divorce, Elles et lui, Mademoiselle Eve, Ohé! les psychologues, le Mariage de Chiffon, le Petit Bob...* và sau lại *Les Souvenirs d'une petite fille*, là quyển sách mà Gyp mới viết ra sau này.

Các báo bên Pháp mới qua kỳ lâu vừa rồi có cho ta hay cái tin bà bà-tước *De Mirabeau-Martel* đã tạ-thế ở Paris.

Bà vốn là một nhà văn-sĩ có tiếng ở kinh - đô nước Pháp, đã viết ra được nhiều quyển sách có giá-trị, ký cái tên riêng là «Gyp», nên trong văn-giới người ta cũng chỉ gọi bà là «Gyp» trống, chứ không ai kêu tên thiệt. Mỗi khi các báo viết bài nói về sách vở của bà mà chỉ kêu là «Gyp» thì bà chịu; mà nếu báo nào muốn tỏ ý cung-

VIỆT NAM TA CÙNG ĐU'NG CÓ MỘT THỜI KỲ PHỤC HƯ'NG
(MỘT BÀI DIỄN-VĂN CỦA ÔNG GIÁO-SƯ UNG-QUẢ)

○ ○ Chắc độc-giả còn nhớ, cách đây chưa lâu mấy và cũng trong tập báo này, ông Đông-Hồ đã có dịch đứng cái đoản-thiên tiểu-thuyết «Tinh Xưa» của ông Nguyễn-liên-Lãng, là một nhà Pháp-học đương còn thanh-niên mà rất có biệt-tài, đã chiếm được giải quán-quân trong cuộc thi đoản-thiên tiểu-thuyết của tạp-chí «Indochine» ở Saigon.

Như ông Đông-Hồ đã nói rõ, trong khi phiên dịch cái đoản-thiên tiểu-thuyết «Tinh Xưa», chủ-ý của dịch-giả là để giới-thiệu một người bạn tân-học có lòng yêu mến quốc-văn.

Kể dịch bài diễn-thuyết về «Cuộc Phục-hưng của Văn-nghệ Việt-nam» hôm nay cũng mang một cái ý-kiến giống như ông Đông-Hồ, bởi vì nếu ông tham-tà Nguyễn-liên-Lãng đó bảo rằng «nghĩa-vụ của các bạn tân-học đối với quốc-văn là cái nghĩa-vụ cần nhất», thì ông giáo-sư Ung-Quả cũng bảo rằng «... tiếng Annam là thứ tiếng vốn có sẵn và có thể sanh-tồn được, ấy chính là tiếng của ta, ta nên yêu quý nó và vun-trồng cho nó, bằng không thì chúng ta sẽ đi lạc nẻo làm đường và e khi lại có sự hiềm nghèo cho vận-mạng tương-lai của ta đến nỗi không thể vãn-cứu được.»

Cũng như ông Nguyễn-liên-Lãng, ông Ung-Quả vốn thuộc về phái tân-học. Tốt-nghiệp ở trường Cao-dẳng Sư-phạm về ban Văn-chương, ông vốn là một tay thanh-niên Pháp-học rất xứng với cái nghĩa của bốn chữ ấy. Nhưng đó chưa phải là chỗ đáng quý; cái chỗ đáng quý là một nhà thanh-niên Pháp-học như ông mà lại tò-mò đọc hết những bộ tiểu-thuyết quốc-ngữ, như «Châu về hiệp-phố», như «Lửa lòng», như «Tinh trướng huyết-lệ»... để mà tìm kiếm những chỗ dở chỗ hay ở trong đó.

Còn nhớ hồi năm rồi, khi vào Nam dự Đại-hội-đồng Kinh-tế Lý-lại và nhơn ghé lại thăm tôi, trong cơn trò chuyện — cố-nhiên rằng chúng tôi đã đàm-đạo về quốc-văn, — ông Phạm-Quỳnh có nói với tôi rằng hiện nay trong nước đương nhón lên một cái phong trào rất đáng mừng, là thấy có một số đồng nhũ tân-học hân-hoá, — hoặc ở Hanoi ra, hoặc ở bên Pháp về, — vẫn lựa-tầm, nghiên-cứu về quốc-văn và biết lấy quốc-văn làm yêu-chuộng.

Chúng-tôi liệt cho câu nói ấy, trước kia ông Đông-Hồ đã giới-thiệu ông Nguyễn-liên-Lãng, hôm nay tôi lại xin giới-thiệu ông Ung-Quả, đây là hai nhà tân-học hân-hoá, mà đều là những người bạn thiết của quốc-văn.

Trong rạp hát Quốc-văn ta, nếu chưa có được những kếp hay đáo giỏi, thì ít nữa cũng phải có đồng người xem hát cho sành và những tay cầm chầu cho cứng, thì tự-nhiên lần lần cái bọn dưng ra sân khấu sẽ phải giữ gìn thận-trọng, chớ chẳng dám múa gậy vườn hoang, dụng chỉ hát nầy như cái hiện-trạng đồng buồn đáng chán bây giờ. Bởi vậy, ai là người phụng sự Quốc-văn một cách chân-thành, xứng cũng không xiết vui mừng mà được nghe những tiếng ban tri-âm như của hai ông Nguyễn-liên-Lãng và Ung-Quả vậy.

Bài diễn-thuyết mà tôi dịch ở sau đây, là của ông Ung-Quả đã đọc tại hội Tri-tri ở Huế. Trong đó đại-ý diễn-giải nổi rằng hiện nay văn-chương nghệ-thuật của ta có phải cũng đương trải qua một thời-kỳ Phục-hưng tương tự như ở bên Pháp về hồi thế-kỷ thứ XVI chăng? Đối với câu hỏi ấy, ông Ung-Quả trả lời rằng có và ông hết sức tin cậy nơi cái tương-lai rực rỡ của dân-tộc Việt-nam ta về đường tinh-tần tri-thức. Muốn biết luận-điệu của ông như thế nào, xin độc-giả hãy xem ngay ở bài diễn-thuyết. Tôi muốn nói thêm một điều là bài diễn-thuyết của ông giáo-sư Ung-Quả nguyên gôm có hai phần, là văn-học và nghệ-thuật, mà hôm nay tôi chỉ dịch có một phần đầu, tức là cuộc phục-hưng về văn-học vậy.

BÙI-THẾ-MỸ



Hề có một thời-kỳ Phục-Hưng, thì ắt đã có một thời-kỳ Trung-Cổ, cái tinh-thần của chúng ta ắt đã trải qua

một giấc ngủ hàng mấy trăm năm. Cũng như nước Pháp, chúng ta cũng có cái thời-kỳ Trung-Cổ (*Moyen Age*) của chúng ta. Về văn-học và nghệ-thuật, chúng ta đã chịu cái ảnh-hưởng của Tàu trong hai ngàn năm, thì ấy cũng giống như một thời-kỳ Trung-Cổ về phương-diện tri-thức vậy. Trừ ra một áng văn rất tài-linh với lại văn của binh-dân, còn thì trước kia, trong một khoảng thời-gian rất dài-dần, bao nhiêu vận-văn của ta thảy đều là mô-phỏng theo vận-văn của Tàu. Trong hàng mấy thế-kỷ, về hội-họa, thì chúng ta chỉ đồ rập theo những kiểu vẽ của Tàu. Trong hàng mấy thế-kỷ, về âm-nhạc, thì chúng ta cũng chỉ đờn đi đờn lại đầu có vài chục bản đờn của Tàu mà không biết chán, và từ thế-kỷ thứ 17 trở lại đây, thì có bắt chước thêm được mấy bản đờn sâu-oản của người Chăm, ví-du như điệu *Nam-ai* và điệu *Nam-bình*, chỉ có thể thối, thắm-chỉ mãi đến lúc hước qua thế-kỷ thứ 20, mà nghề đờn của ta cũng chưa thêm được cái gì mới.

Song 1c, trong những chuyện quan-hệ như thế này, chúng ta hãy nên giữ gìn thận-trọng, chớ khá thối ra những lời bói bạc tiền-nhơn. Đứng trước các đảng thiên-lai của nước ta ngày trước, ví dụ như Nguyễn - Du, Nguyễn - gia-Thiều, Nguyễn-công- Trừ, Nguyễn-thị-Điềm, Nguyễn-Khuyến, Hồ - xuân-Hương, đứng trước các bậc thi-bá văn-hào cầm-tam tù-khĩa ấy, cũng là đứng trước đám binh-dân nữa, cái đám binh-dân không tên tuổi gì hết, nhưng đã đặt ra làm câu ca-đạo dễ-dàng và cảm-động, thì chúng

ta hãy cúi đầu để tỏ dấu khen ngợi và cảm ơn. Chúng ta chỉ nên nhìn nhận ở đây một điều này, là trong hàng mấy thế-kỷ, và đầu trong khi đã lên đến cái trình-độ lương-hiểu rồi cũng vậy, nghệ-thuật của chúng ta cũng chẳng có tiến-bộ chi hết. Nó chỉ giống như một cái cây đã sanh ra đặng những trái tốt, nhưng khi đã sanh hết trái rồi thì chết ngoẻo đi. Chúng ta nên mong-mỏi cho nó phát-sanh trở lại lớp khác nữa (Renaissance: phục hưng). Mà cũng may thay, nhờ có ảnh-hưởng của văn-hóa người Pháp mà cái cây nghệ-thuật của ta may lại phục-sanh được.

Một cái phong-trào mà ai nấy cũng phải nhìn nhận và có quan hệ một cách rất lớn-lao, bởi vì chính nó đã giúp vào cho cuộc Phục-Hưng một phần rất trọng yếu, ấy chính là cái phong-trào chấn-chỉnh quốc-văn trong hai chục năm sau này.

Quốc-văn Việt-nam ta nghĩ thật cũng là một sự may-mắn lạ-lùng Từ khi mới bày ra mũi cho tới đầu thế-kỷ thứ 20, thứ chữ ấy vẫn bị các nhà học-thức khinh rẻ. Các bậc văn-hào thi-bá trong nước chỉ thích dùng chữ Tàu để phô bày những tư-tưởng và mộng-tưởng của mình, còn đối với tiếng nước nhà thì họ vẫn tỏ dấu khinh-bí lắm. Chỉ có đám bình-dân ở dưới là chịu khó tập-luyện quốc-văn Việt-nam. Đám bình-dân đã chỉ ra cho ta trông thấy cái vẻ dịu-dàng xinh đẹp của quốc-văn ở trong những câu ca-dao tục-ngữ ở trong những cái vẻ của bọn đi hát dạo. Ngoài-trừ có một lần, nhưng chỉ có một lần thôi, ấy là sự xuất-hiện của truyện Kim-Vân-Kiều hồi đầu thế-kỷ thứ 19, trong truyện ấy thật nhà thi-hào Nguyễn-Du đã chỉ vạch cho chúng ta những cái vẻ mỹ-lệ kín đáo và sự phong-phú bất-ngờ của « thứ tiếng nôm-na mịch-khoé » kia vậy. Song mà trước khi đó, và lại sau khi đó nữa, theo như tôi biết, thì thứ chữ nôm-na kia chẳng hề bao giờ được coi như là quốc-văn của ta hết. Vậy thì sự phục-hưng của quốc-văn ta bởi đâu mà có? — Chính là nhờ một sự đổi ngược vai lưng. Số là đến sau lại chúng ta đã hiểu, nhưng có lẽ hơi muộn một chút, rằng chữ Tàu tuy nó giàu có, nó vẻ-vang mặt mũi, hẳn nó cũng chẳng phải là thứ chữ của nước nhà ta, nhưng còn tiếng Annam, là thứ tiếng vốn có sẵn và có thể sanh-tồn được, ấy chính là tiếng của ta, ta nên yêu quý nó và ven-trông cho nó, bằng không thì chúng ta sẽ đi lạc nẻo làm đường và e khi lại có sự hiềm nghèo cho văn-mang tương-lai của ta đến nỗi không thể văn-cứu đặng.

Rồi đó trong hai chục năm nay, chữ quốc-ngữ mới được mở mày mở mặt mà làm thứ quốc-văn của người Việt-nam. Trong hai chục năm nay, thứ chữ ấy đã trở nên giàu có, tốt đẹp hơn trước. Một đảng thì nó đã thêm được rất nhiều tiếng chuyên môn và thường dùng do chữ Pháp sang qua. Một đảng thì nó đã thêm được rất nhiều những danh từ về nghệ thuật, về xã-hội-học, về triết học, do chữ Tàu đưa vào. Thật vậy, vào khoảng năm 1900, noi theo cái gương của Nhật-bôn, nước Tàu bèn phái người đi qua Âu-châu để học tập theo cái văn-hóa mới. Kịp đến khi trở về nước, bọn du-học Tàu hết sức lấy làm trâm-trở khen ngợi cái kho tri thức phong phú vô cùng của người phương Tây. Bấy giờ họ mới đua nhau mà truyền bá cái tư-tưởng Âu-tây; họ đem những sách của Montesquieu, Voltaire, Rousseau, Darwin, Auguste Comte mà phiên dịch ra chữ Tàu. Ủy chà! Khi mấy ông đồ nho của ta thấy được những tân-thơ ấy thì khoái biết bao nhiêu mà kể! Rồi đến phiên mấy ông lại hăng-hái xúm nhau đem những sách ấy mà dịch ra quốc-ngữ và chủ-thích phê-bình! Bởi vậy cho nên chính đã nhờ chữ Tàu làm trung gian mà tiếng ta mới thêm đặng một mở rất nhiều những danh-từ về nghệ-thuật, triết-học và khoa-học.

Qua lối năm 1915, đã nhờ có một cái cơ-quan, một cái tạp-chí ghi-chép và sắp đặt những chữ mới ấy lại để truyền-bá ra và làm cho quốc-văn ta được chấn-chỉnh, cải-lương một cách mau chóng. Ấy chính là cái công của tạp-chí Nam-phong và của ông Phạm-Quỳnh, là chủ-bút báo ấy. Nhà cổ-học ấy đã có được cái ý-kiến, khá gọi là-tinh, là lật-đật thiết hành cái công việc bảo-lồn và lo-diễn (désense et illustration) cho quốc-văn Việt-nam. Năm 1917, ông đã sáng lập ra tạp-chí Nam-phong, là một cái tạp-chí để truyền bá văn-học, khoa-học và mỹ-thuật, và trong mười lăm năm ròng-rã ông đã ra công giúp vào cho sự bồi-đắp cái nền văn quốc-âm ta được một phần rất to lớn. Phía sau mỗi số tạp-chí Nam-phong, đều có mấy trương tiêu-tự-vị, trong đó ông lược đôn những chữ mới lại và có chua nghĩa bằng chữ Pháp rất rõ-ràng; và lại chính ông Phạm-Quỳnh trong khi viết cũng cố răn dưng những kiểu nói mới-mẽ và dựng nên một lối văn xuôi rõ ràng và cứng-cát lắm. Chúng tôi không thể kể hết những người cộng sự trọng-yếu của ông Phạm-Quỳnh, nhưng tưởng nên nói ra đây cho bà-

con biết ông Nguyễn-bân-Vinh. Tuy không lưu-ý về mặt lý-luận cao-thâm, nhưng ông Vinh lại là một nhà dịch-giả rất cò tài. Chính ông đã dịch bộ tiểu-thuyết « Những kẻ khổ-nạn » của Victor Hugo, những đoãn-thiên tiểu-thuyết của Perrault và những chuyện ngụ-ngôn của La Fontaine ra quốc-ngữ; ông lại cũng đã dịch tuồng hát của Molière, tiểu-thuyết của Dumas, của Abbé Prévost. Những sách dịch ấy đồn lại thành một bộ mà ông Vinh gọi là « Tư-tưởng của phương Tây » (La Pensée de l'Occident). Có lẽ trong đó cũng chưa ít đã chứa hẳn cả cái tư-tưởng của phương Tây, song nhờ đó mà một mở rất nhiều chữ mới đã lưu-hành trong tiếng nói của ta và hiệp với những chữ mới của Nam-phong mà làm cho quốc-văn của ta được trở nên phong-phú.

Ấy đó, cuộc phục-hưng của văn-tự Việt-nam ta đại-khải là vậy. Nhờ đó mà chúng ta mới được chấn-khởi về đường tinh-thần. Cũng nhờ đó mà văn-học của ta mới thấy ngày phục-hưng. Song trước khi nói chuyện đến cuộc phục-hưng về văn-học, chúng ta hãy nên ghi nhớ lấy cái bài học mà cuộc tiến-hóa của chữ quốc-ngữ đã dạy cho ta. Cuộc tiến-hóa ấy chỉ tỏ cho ta thấy rằng, về hiện tại cũng như về quá khứ, quốc-văn Việt-nam ta bao giờ cũng vẫn dính-dấp với chữ Tàu một cách mật-thiết lắm. Nhưng chỉ khác có một điều, là trước kia ông cha chúng ta học chữ Tàu là vì chữ Tàu mà học, còn chúng ta bây giờ đây thì cũng phải học chữ Tàu, nhưng không vì chữ Tàu, mà lại chính là vì chữ quốc-ngữ, chúng ta phải học chữ Tàu đặng mà bồi-bổ thêm vào cho quốc-văn của ta. Bằng như nghĩ rằng đã mấy trăm năm, ông cha ta vì theo học chữ Tàu nên chỉ quốc-văn mới bị bỏ-bê mà không phát-triển đặng, rồi bảo rằng bây giờ chúng ta hãy bỏ hẳn chữ Tàu đi mà đừng thêm ngó tới, thì chẳng còn gì làm-lạc hơn nữa. Sự thật thì tương-lai đây chữ Tàu cũng vẫn cứ làm nền móng cho quốc-văn ta về văn-học, triết-học và cả về khoa-học nữa.

Theo ý tôi, thì không phải thấy sách vở bằng quốc-văn gần đây xuất bản được nhiều, mà bảo đó là sự phục-hưng của văn-học. Hiện nay phần nhiều các nhà văn-sĩ ta thật đương còn trẻ tuổi và ham muốn khoe danh thái-quá, hơn nên những tác-phẩm của họ thường thường vẫn thiếu hẳn cái đạo-tánh và sự uẩn-sức đi. Bên trong từ

kiếng của các hàng bán sách, hằng ngày chúng ta vẫn được trông thấy chông-chất những bộ tiểu-thuyết dài-dặm-dặc xuất bản ở Namky. Xin kể ra đây một ít bộ danh tiếng hơn hết như Châu về Hiệp-phố, 22 quyển; Lửa Lòng 24 quyển; Tình trường huyết lệ, 26 quyển. Trước đây người ta đã từng thấy có bộ dài đến những 36 quyển rồi, song hiện nay đã có bộ nào dài hơn nữa chưa thì tôi không được biết rõ. Nhưng chúng ta hãy xét coi nội dung như thế nào. Hết thấy những tiểu-thuyết trường-thiên đại-doạn ấy đều thuật rờng những chuyện an-niang bí-mật, những chuyện phiêu-lưu trong tuồng hát bóng, kể các nhà tiểu-thuyết thanh niên của ta xem thấy trên màn chớp bóng làm sao thì cũng thuật trở ra làm vậy. Song có đều đáng quái lạ lắm, là « những chuyện bí-mật của kinh thành Nhiều-do » ấy lại nhè diễn ra trên một cái sân khấu rất vô-sự là xứ Nam-kỳ. Theo như trong mấy bộ tiểu-thuyết ấy, thì thành phố Saigon vẫn bị sương mù bao phủ kín-mít kín-mờ, mà các nhà trinh-thám Namky thì vẫn đi rảo ở bốn phía... Cái xe hơi xi-gà của chàng Hiệp-Liệt chạy vù ở trên đường Catinat như một cái tên bắn, mà hai bên đường thì vẫn có những cái nhà hàng rất đồ-sộ và những tòa nhà cao vọi đến mấy chục tầng lầu... Và hề ban đêm thì tiếng sùng sáo vẫn nghe nổ liên-miên bất tuyệt... Ở phải, về mặt nào khác, thì những tiểu-thuyết ấy vẫn có ích-lợi đấy, song đến như về phương-diện nghệ-thuật của Annam ta, thì những sách ấy thật chẳng bỏ ích gì ráo; phải chỉ trong hai chục năm trời nay mà văn-học của ta chỉ sản xuất được có bấy nhiêu đó, thì chúng ta cũng đáng thất vọng thật.

Nhưng khá lại còn có những cái khác nữa. Trước hết là những thể văn mới. Xưa kia, trong lâu ngày lắm, văn-học của ta vẫn bị thống-trị bởi văn-văn, song gần đây đã thêm được thể văn sử-ký nữa. Nói cho thật, thì thuở trước chúng ta thật chưa hề có văn sử-ký. Các nhà sử-học ta chỉ làm sách bằng chữ Hán và ông cha ta cũng chỉ dùng lối thơ lục bát mà ca công tụng đức các bậc anh-hùng. Nhưng thật chẳng có một quyển sử-ký nào viết bằng quốc-văn hết thấy. Phải đợi mãi cho tới ông Đờ-Thận, mới là tới ông Trần-Trọng-Kim mới có một quyển sử Việt-nam toát-yếu viết bằng chữ Việt-nam. Hai quyển Việt-nam sử-lược của ông Kim, biên chép đã có phương-pháp mà văn viết lại giản-dị gọn-gàng, thật là xứng đáng khai-nguyên cho thể văn sử-ký của ta vậy.

Đoạn lại đến thể văn phê-bình. Các nhà nho ta thuở trước chẳng hề dung-công nghiên-cứu về

PHU NU TAN VAN

thần-thể và những tác-phẩm của các bậc văn-hào; bất-quá các ông chỉ chủ-thích bằng những câu văn-lắt, khen câu thơ này, bẽ câu thơ kia, cắt nghĩa qua một ít điển-tích vậy thôi. Nhưng mà tuyệt-nhiên chẳng có thông-hệ, chẳng có phê-bình theo phương-pháp, chẳng có nghiên-cứu về toàn-thể. Quyền sách phê-bình về văn-học đã ra đời trước nhưt giống như là quyền tiểu-truyện nói về «Thần-thể và tác-phẩm của cụ Nguyễn-công-Trứ» mà tác-giả là ông Lê-Thước thì phải. Lại mới rồi đây, ông Thiệu Sơn có viết luôn một đọc mấy bài bình-phẩm về các nhơn-vật trong văn-giới nước ta hiện-thời, như các ông: Phạm-Quỳnh, Nguyễn-vân-Vinh, Phan-Khoi, Nguyễn-khắc-Hiếu, Trần-trọng-Kim, Hồ Biểu-Chánh... Mấy bài ấy ông Thiệu-Sơn viết bằng một lối văn rất chặt - chĩa, chải-chuốt, trong đó chúng ta vẫn thấy cái ảnh-hưởng của văn tây dung-hợp với cái biệt-tài của tác-giả. (1) Chúng ta cũng có thể kể thêm ra đây nhiều thể văn mới khác nữa, song tôi lại muốn chú-trọng về chỗ này hơn, là chúng ta hãy ngó vào trong cái đồng sách vở hộn-bản và văn-chương đủ lối ấy mà tìm kiếm cho biết những cái tư-trào quan-hệ nó đã khích-động cho văn-học Việt-nam ta bây giờ đó.

Theo như ý tôi, thì nếu như chúng ta bắt chước theo lối văn của các bậc tiền-bối ta ngày xưa thì quyết chẳng bao giờ theo họ cho bèn gót, và lại lớp trẻ bây giờ phần nhiều đều biết thưởng-thức khen-ngợi những áng văn tây, là thứ văn văn lấy sự quan-sát làm gốc, đó là hai cái nguyên-nhơn nó làm cho các nhà văn-sĩ ta hiện-thời dần-dần xa bỏ cái chủ-nghĩa lý-tưởng (l'idéalisme) và xu-hướng về chủ-nghĩa tả-thiệt (le réalisme). Văn-học của ta khi trước thật hết sức thiên về lý-tưởng. Sở-dĩ càng thiên về lý tưởng nhiều lắm là vì thuở trước ta chỉ chuyên dùng có một thể vận-văn mà thôi. Cái cảnh-thắng của tạo-hóa, cái sắc đẹp của người đàn-bà, cái tài-năng của người đàn-ông, mấy cái đó các bậc tiền bối ta chỉ tả bằng mấy nét bút tuyệt-diệu nhưng vẫn không bao giờ thay đổi. Các bậc thi-bà lúc bấy giờ vẫn sống về những cái cảnh xuân-mộng, thanh-phong, minh-nguyệt, hay cái cảnh «trời thu hiu hắt, bầu dục giang sơn». Các cụ nhà ta vẫn lấy đấy làm vui thú hay lấy đấy mà yên-đi. Các cụ Nguyễn-Du, Ôn-như-Hầu, Nguyễn-dinh-Chiêu, hề khi miêu-tả một người đàn-bà đẹp, thì thể nào người đàn-bà ấy cũng là da trắng như tuyết, miệng cười như hoa,

(1) Mấy bài này đã đăng ở «Phụ-nữ Tân-van» như đọc giả vẫn biết.

lông mày như xuân-sơn, con mắt như thu-thủy. Các cụ không muốn cho người đàn-bà ấy cọ-bia với sự thiệt, mà lại muốn cho giống như trong chuyện thần-thoai hay trong cảnh mộng-tưởng. Chỉ duy có văn-học bình-dân là thoát khỏi cái lý-tưởng tinh-vi của các nhà thi-sĩ và đã nhiều lần tỏ ra phản-phất với cái chơn-cảnh ở đời. Phải chờ đợi mãi cho tới hồi năm 1903 mới thấy được một nhà thi-sĩ có cái gan đem người đàn-bà xấu xí mà miêu-tả trong một quyền tiểu-thuyết bằng văn vần. Nói thế không phải bảo rằng chúng ta nên qui chuộng lối văn tả-thiệt hơn lối văn lý-tưởng hay là trái lại. Phạm ở về tuyệt-đối, thì các lý-thuyết cũng đều như nhau tất cả, chẳng hơn kém gì. Song ta phải nhìn nhận một điều, là chủ-nghĩa tả-thiệt giúp cho văn-học của ta có biến-hóa hơn, có vẻ mạnh mẽ hơn, tóm lại thì nó thêm cho ta được một cái quan-niệm và một cái thể-cách.

Ngoài ra lại còn có một cái tư-trào nữa, nó dần-dắt các nhà văn-sĩ ta vào con đường nghiên-cứu về tâm-lý. Chủ-nghĩa tả-thiệt đã đánh nhau với chủ-nghĩa lý-tưởng, thì cùng trong một lúc ấy, tiểu-thuyết tâm-lý lại cũng đánh nhau với tiểu-thuyết luân-lý. Lấy về toàn-thể mà nói, thì văn-học của ta khi trước chẳng qua là một sự phổ-diễn những cái quan-niệm về luân-lý vẫn làm nền-tảng cho xã-hội. Các bậc tiền-bối ta xưa kia không quan-tâm về những chỗ đặc-biệt của cá-nhơn, mà lại quan-tâm về những chỗ ước-nguyện chung của đoàn-thể về đạo-đức luân-lý. Bởi thế hóa nên trong các áng văn-chương, sự lẫn-hóa của cá-nhơn tuy thế nào mặc dầu, bao giờ cũng phải giữ sao cho đều phải thẳng đều quấy, đều ngay thẳng đều vậy, sao cho cái cứu-cánh (la fin) của mỗi người cũng tức là sự kết-thúc công-bằng về cái cuộc đời của người ấy. Đánh rằng một cái quan-niệm về văn-học như thế vẫn có phần thuận-hảo chớ không phải không; song cũng không thể chối-cãi rằng hề khi nó cố-chấp quá, thì cái quan-niệm ấy vẫn có hại cho nghệ-thuật. Thật vậy, vì rằng nếu thế thì chúng ta sẽ bị thiệt mất hết cả một cái thế-giới, là cái tiểu-thiên-địa rất khoan-huợt ở trong mỗi người. Chúng ta sẽ không biết đến được cái tinh-thần đặc-biệt của cá-nhơn, bởi nó đặc-biệt cho nên rất lợi cho nghệ-thuật. Không biết yêu cái vẻ đặc-biệt ở trong sự sanh-hoạt của cá-nhơn, đó chính là cái chỗ kém của các bậc tiền-bối ta ngày trước.

Quyền tiểu-thuyết tâm-lý trước tiên của ta là quyền Tô-Tám của ông Hoàng-ngọc-Phách, xuất bản hồi năm 1924, Quyền tiểu-thuyết bạo-dạn ấy

đã làm cho các nhà cựu học phản-đối dữ lắm, nhưng cuộc tranh luận rồi cũng êm đi, chỉ xem bấy nhiêu cũng đủ thấy rằng lối tiểu-thuyết tâm-lý bây giờ vẫn đứng được.

Thế thì lâu nay đã thêm được nhều thể văn mới, ngoài lối văn lý-tưởng khi trước bây giờ lại có thêm một lối văn-học tả-thiệt, ngoài thứ tiểu-thuyết luân-lý thuở xưa bây giờ lại có thêm một thứ tiểu-thuyết tâm-lý, đó, là những sự cung cấp của cuộc phục-hưng về văn-học. Song cái phần lợi lớn nhất mà chúng ta đã thu hoạch được trong hai chục năm tiến-hóa đến giờ, cái phần lợi rất rõ-rệt và rất bổ ích mà vẫn chưa được người ta để ý đến cho lắm, ấy là sự thành lập vững vàng của lối tân-văn (la prose) Việt-nam. Sự thiệt thì từ trước cho đến năm 1900; chúng ta vẫn không có tân-văn. (1) Thuở xưa chúng ta chỉ dùng có một lối văn-vần để phổ bày tư-tưởng. Lối văn «phủ» mà người ta vẫn dịch ra tiếng Pháp là prose rythmée (văn xuôi có vần) đó thì chính là một lối thơ, bởi vì nó vẫn bị cai-trị bởi những cái luật số chữ và âm-điệu kia mà (régie par des lois de nombre et d'harmonie); đến như lối tân-văn xưa, thì chẳng qua chỉ có tiếng mà thôi. Tuy bề ngoài thì ngó như tự do, song xem cho kỹ, thì ta nhận thấy ở trong đó cũng vẫn có ẩn-tàng những cái luật về số chữ và âm-điệu hẳn hoi, cũng tương tự như lối «phủ» kia vậy. Còn lối tân-văn của Việt-nam ta thì mới thành-lập đây. Lối tân-văn bây giờ vẫn đoạn tuyệt quan-hệ hẳn với lối vận-vần, đứng biệt lập ra một thứ âm-hưởng tinh-vi, một cách tiết-lầu vững-vàng, là những cái đặc-tánh của lối tân-văn chân-thật. Sự gây dựng lối tân-văn của ta là một việc rất quan-hệ vô cùng, nhờ đó mà đã nảy ra được lối văn sử-ký và lối văn phê-bình như tôi đã nói. Cũng nhờ nó mà trong văn-học ta sẽ nảy thêm được các lối văn nghị-luận, văn thu-giáo, là những lối mà hướng-lai văn vần vẫn để hẳn ra ngoài chớ chẳng hề biết tới; tân-văn đem vào cho trí-não của ta đủ mọi thể-cách và đủ mọi tư-tưởng.

Đương khi chờ đợi cho buổi tương-lai nó sẽ sắp đặt các áng văn-chương và các nhà văn-sĩ cho có thứ tự hẳn hoi, thì bây giờ đây chúng ta cũng nên để lời cảm-phục bao nhiêu những người có thông minh, có tâm-huyết, đã ra công rần sức trong một phần tư thế-kỷ nay để chấn-chỉnh quốc-văn Việt-nam và dựng ra cho ta một lối tân-văn xứng đáng.

(1) Tôi xin mách rằng ông Sở-Cường lại nói khác. Xem «Văn-học tạp-chí» số 1 - M.

UNG-QUẢ
Professeur au Collège Quốc-học HUẾ
(B. T. M. dịch)

Đạo đức, Luân lý

Đạo-đức là gì? Luân lý là gì? Đạo-đức là cái gì làm gốc trong lòng của người ta, khiến cho những cái tư-cách hay như thảo với cha, hiền với con, trinh với chồng, mới lòng từ-thiện ở với mọi người, một dạ trung-thành đối cùng chúng bạn; xa làm phải, ghét đều quấy. Đó là đạo-đức.

Luân-lý là những cách-thức, những phép tắc để tỏ cái đạo-đức ra ngoài. Như con đừng trước mặt cha mẹ cúi đầu khoanh tay, là cốt để tỏ bày cái lòng kính trọng ở trong; đàn bà không chung chạ năm ngôi với đàn ông là cốt để biểu-đường cái đức trinh của mình.

Nói tóm lại, đạo-đức là cái lòng, mà luân-lý là lời nói, đạo-đức vì như của cái, thì luân-lý tức là những lời ăn mặc để tỏ sự giàu sang ra ngoài. Đạo-đức là cái gốc, mà luân-lý không phải là không thay đổi được.

Đời nào nước nào người ta cũng trọng kẻ từ-thiện, người kiên-trinh, đời nào nước nào cũng phục có một lối đạo-đức như nhau cả. Có ai là không ghét kẻ giết người cướp của, có ai là không thương kẻ quên mình giúp đời? Đó là đạo-đức, ta quyết không nên để cho ai phá hoại, cái nên ấy mà mất thì loài người còn có thú gì là thú sống ở đời nữa.

Bởi vậy tôi xin chị em anh em ai cũng phải bảo tồn đạo-đức, ăn ở cho có đạo-đức.

Còn như luân-lý, thì nó phải đổi thay chớ không đứng yên mãi được. Vì luân-lý là cái phép tắc, cái cách thức để tỏ sự đạo-đức ra ngoài, cho nên phải di-dịch là sự tất nhiên, sự biến cải trong xã-hội bất luân-lý phải đời đời, chúng ta xem như ngày xưa cách vái mười năm nay, anh với em gái không thờ ngôi chung một chiếu, ăn chung một mâm, cho với con gái cũng vậy, con nói chỉ trai với gái mà không phải vợ chồng thì là «bất thân» rồi, nghĩa là không đáng gần nhau. Đó là một cái luân-lý, để tỏ cái trái-lự, cái trinh-tiết ra. Nghĩa là người ta ai cũng phải tránh những sự tà vạy.

Xã-hội ta ngày nay đã đổi, nam với nữ cùng làm việc chung một nhà trường, nhà thương, trên tàu, trên xe v. v. Đó là một sự tất-nhiên về lẽ tiến-hóa, không tránh sao cho được. Đã vậy thì cái luân-lý nam nữ bất thân chẳng còn thì hénh được nữa rồi. Ngay nay có ai dám bảo rằng đàn ông và đàn bà không nên ngồi gần nhau trên xe lửa, xe hơi nữa không? Người đời nay không còn giữ cái luân-lý ấy, song còn cái đạo-đức là cái căn-bản thì vẫn phải giữ gìn luôn luôn. Đạo-đức dạy rằng: «Phạm người đàn bà phải giữ chữ trinh cho vẹn». Ai dám bảo điều ấy là sai? Chỉ khác là khác ở sự bày tỏ ra ngoài đó thôi.

Chúng tôi sẽ đi giải-bày về hai chữ đạo-đức và luân-lý là mong cho ai nấy lưu-lâm cho về một đầu này. Cái luân-lý cũ đã phải thay đổi; người ta cu-xử theo lối mới, bớt nghi-kỵ, bớt nhút-nhút, bớt e dè, nhưng mà đạo-đức thì lu-mơ, không ai mà giảng cho thiên-hạ được triêm-nhiêm, thành ra người ta đã đổi luân-lý mà cũng bỏ đạo-đức nữa, cho nên trong xã-hội từng xảy ra lắm việc đáng thương lắm lắm.

Tôi mong một đũa là mong sao kẻ làm cha mẹ, làm thầy nên giảng cho bọn thiếu-niên nam nữ và thiếu-niên nữ-tử biết rằng: luân-lý tuy phải đổi đời cho hợp thời, mà đạo-đức vẫn cần nên trọng. Người Âu Mỹ họ giao-lễ nhan theo phép tắc rộng rãi như vậy, song họ vẫn trọng những cái đức tốt của người đàn hoàn toàn, mẹ hiền, vợ trinh, gái thảo, đàn thuần. Chẳng thấy người Tây nào khen kẻ bất hiếu, bất trinh, hay là gian giảo bao giờ. Chớ thấy bề ngoài không kịp xét hậu, rồi tưởng là họ không quản chỉ đến đạo-đức.

Mme NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

Hàn-thực, nguyên-tiêu

Trong một số trước có bài nói về sự giải diên truyện Kiều sai lầm, mà chưa nói đến sự dùng diên cũng có sai lầm nữa.

Như chỗ Tú-bà vai, có câu rằng :

« Cửa hàng buôn bán cho may,

« Đêm đêm hàn thực, ngày ngày nguyên-tiêu ».

Theo bản hai ông Trần-trọng-Kim, Bùi-Kỷ chú thích rằng :

« Hàn-thực là tết mồng ba tháng ba ; nguyên-tiêu là tết rằm tháng giêng. Tục bèn Tàu hai ngày ấy vui lắm. Ý nói : ngày đêm nào cũng được vui như hai ngày ấy. »

Lời giải đó sai. Đêm nguyên-tiêu vui đã đành ; chứ còn ngày hàn-thực là ngày kỷ-niệm Giới-chi-Thời chết thiêu, có vui gì mà vui ? Nhưng mà sự sai này không những tại người giải mà cũng tại người đặt là ông Nguyễn-Du nữa.

Nguyên bèn Tàu có câu ngạn-ngữ : « Triều triều hàn thực, dạ dạ nguyên tiêu », nghĩa là « ngày ngày hàn-thực, đêm đêm nguyên-tiêu. » Ông Nguyễn-Du lấy câu đó mà lại đảo ngược đi, thành ra vô nghĩa. Nguyên-tiêu mà ban ngày thì có ý gì đâu, cũng như hàn-thực mà ban đêm thì không sự lý chi hết.

Câu ngạn-ngữ Tàu đó nguyên chỉ nghĩa về sự ăn chơi của những nhà phú-hào : Ban đêm thì thức chơi, ăn uống đờn hát, rộn ràng tấp-nập như đêm rằm tháng giêng ; còn ban ngày thì ngủ, dưới bếp lạnh tanh vắng khối như ngày hàn-thực vậy. (Tục Tàu xưa về miền Kinh-sở, ngày mồng ba tháng ba kỷ-niệm Giới-chi-Thời, cấm nấu-ăn, chỉ ăn đồ nguội, nên kêu là « Hàn-thực ».) Nguyễn-Du tiên-sanh đem đảo đi, cho khỏi ngang diệu, đã là vô-nghĩa rồi ; mà lại dùng ngụ ý chúc cho nhà đi được đóng khách, cũng không nhằm nữa. Đến nhà chú-thích lại bịa ra, nói : « Tục bèn Tàu hai ngày ấy vui lắm », cho ngày hàn-thực cũng là ngày vui, thì thật là sơ-suất quá, làm làm độc-giã chẳng ít.

TIN BUỒN

Mới rồi ông Y-khoa Tấn-sĩ Trần-văn-Đôn, cùng cu ông và một cậu con út của ông là cậu Henri Đôn, mới nên mười tuổi, ở Dalat ngồi xe hơi về Saigon.

Khi xe về đến sông Lòng-sông, gần Djiring, rồi cái cầu ấy hư vì trận bão hôm trước nên Nhà-nước có đặt một chiếc đò tam đề đưa rước xe-hơi qua lại, ông Đốc-tơ Đôn liền đi chơn xuống đò, duy có cu ông và cháu là Henri Đôn thì vẫn ngồi trên xe như thường.

Xe-hơi xuống đò, thỉnh linh chạy chúi tuốt xuống sông, làm cho ông cháu đều chìm hết. Bấy giờ ông Đốc-tơ Đôn cùng phu đó lo tiếp cứu, cứu được cu ông, nhưng Henri Đôn thì lại chìm mất, khi vớt lên được thì đã chết rồi.

Chiều thứ hai 15 Aout đã chở xác cậu Henri về đến nhà ở Saigon và an-tàng.

Bồn-báo kính xin chia buồn cùng ông Đốc-tơ Đôn và chúc cho hương-hồn cậu Henri sớm được lieu diêu nơi lạc-thổ.

P. N. T. V.

RƯỢU THUỐC BỒ HIỆU Ơ-NỐT

Có bán tại nhà thuốc Tây KHƯƠNG-BÌNH-TỈNH
Lập ra năm 1926. - Cánhơ

Chủ nhơn có bằng-cấp Cao-đẳng bào chế. Có chuyên môn khoa hóa học ở trường thuốc Hanôl.

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH :

Xanh xao kém huyết ăn không biết ngon, hay mệt và tức, đau mới mạnh bị chạnh nước, đàn bà có thai hay mệt. Lúc sanh rồi nên uống, người có tuổi hoặc con nít uống cũng đặng, không có kỵ với thuốc bắc.

MỖI VE CÓ TOA CHỈ CÁCH DÙNG

Giá : ve lớn 2\$80 10 ve lớn 23\$00

Giá : ve nhỏ 1\$80 10 ve nhỏ 15\$00

CÁC TỈNH CÓ TRỮ BÁN

Châuđộc : Nhà khám bệnh ông thầy thuốc Phạm-văn-Tiểu.

Longxuyên : Tiệm ngành Khương-bình-Tỉnh chợ Mỹ-phước.

Sađec : Tiệm ngành Khương-bình-Tỉnh đường mé sông gần cầu Cái-sơn.

Dalat : Pharmacie Dalat.

Đề bao thơ : KHƯƠNG-BÌNH-TỈNH Cánhơ

Đầy thép nói N° 52

HÃY HÚT THUỐC JOB

HÀN VĂN ĐỘC TU

Soan-giã PHAN-KHÔI giữ bản quyền

Bài học thứ hai

I. HỌC TIẾNG MỘT

(Những tiếng noms từ 3 nét đến 7 nét)

Chữ Hán	Đọc	Nghĩa
川	Xuyên	Sông-ngòi
地	Địa	Đất
田	Điền	Ruộng
禾	Hòa	Cây lúa
米	Mễ	Gạo
瓜	Qua	Dưa (các thứ)
豆	Đậu	Đậu (các thứ)
犬	Khuyển	Chó
牛	Ngưu	Bò
羊	Dương	Dê
豕	Thĩ	Lợn, heo
爪	Trào	Móng ; vuốt
牙	Nha	Răng ; nanh
毛	Mao	Lông
羽	Vũ, vô	Lông (nơi cánh)
皮	Bi	Da
肉	Nhục	Thịt
角	Giác, giốc	Sừng
血	Huyết	Máu
巾	Cân	Khăn
衣	Y	Áo
車	Xa	Xe
舟	Chu, châu	Ghe, thuyền
身	Thân	Minh
足	Túc	Chun
耳	Nhi	Tai
目	Mục	Mắt
舌	Thiệt	Lưỡi
形	Hình	Hình
色	Sắc	Sắc

川 là tiếng kêu chung hết thủy các sông-ngòi, nơi có nước rạch đất ra mà chảy thường. Vậy như những cái hồ (lac) dầu lớn mấy cũng không gọi là川 được.

川 Nguyên viết là 𣵀 và 𣵁 làm đầu bộ, cho nên khi muốn tra chữ 川 thì phải tìm ở bộ 𣵀 (bộ xuyên).

地 khác với 土, hãy xem lại chữ 土 nơi bài học thứ nhất.

瓜 là tiếng kêu chung các thứ dưa, và loại bầu bí cũng thuộc vào đó. (Khéo kéo làm lộn với chữ 爪).

犬 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ khuyển. Khi ở bên tả chữ, biến hình thành ra 犳.

牛, tục thường cắt nghĩa là trâu, là làm. Theo sách cho đúng thì 牛 là bò ; còn 水牛 mới là trâu. Kêu 水牛, vì con trâu có đặc-lãnh giới lội nước.

牛 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ Ngưu. Khi ở bên tả chữ, biến hình thành ra 犳.

爪 là móng, khi chỉ về của người, như móng tay ; là vuốt, khi chỉ về của vật, như vuốt cạp.

爪 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ Trào. Khi đứng trên đầu chữ, biến hình thành ra 𠂔.

毛 là lông nơi mình con thú, tiếng Pháp kêu là poil ; 羽 là lông nơi cánh con chim, tiếng Pháp là plume.

肉 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ Nhục. Khi ở dưới chữ và bên tả chữ đều biến hình thành ra 𠂔. (Khéo kéo làm lộn với bộ 尸.)

衣 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ Y. Khi ở bên tả chữ, biến hình thành ra 衤, kêu bằng Y rách.

足 cũng làm đầu bộ, kêu bằng bộ Túc. Khi ở bên tả chữ, biến hình thành ra 𠂔, kêu bằng Túc rách.

III. - VĂN-PHÁP

Nom kép và nom bình-hành

Tiếng nom có đơn có kép. Đơn là mỗi chữ một nghĩa, như sáu chục chữ trong hai bài học chúng

ta đã học đây, mỗi chữ chỉ nghĩa một sự vật gì. Còn *kép* là nối hai chữ để chỉ ra một nghĩa — hoặc có khi nối đến ba chữ.

Khi nối hai *nom* làm một để chỉ ra một nghĩa thì phải kể như một chữ. Vì nó chỉ nghĩa một sự vật mà thôi. Như 夫子 là thầy, 天子 là vua, 夫人 là bà (madame), 女子 là con gái, 女士 là con gái có học... đều kể như một chữ cả.

Người ta làm thành (former) những *nom kép* ấy bởi hai cách: một là theo thói quen từ đời xưa; một là dùng hai chữ có ý nghĩa quan-hệ với nhau mà ráp lại.

Như 夫子: 夫 là chồng, 子 là con, chẳng có ý nghĩa gì dính-dấp với một bậc người đáng tôn trọng mà ta kêu bằng thầy hết; nhưng từ xưa có thói-quen kêu như vậy rồi dùng luôn đến bây giờ. Hoặc-giả hồi đầu có ý nghĩa thế nào đó mà bây giờ mất hẳn đi, không truy ra được.

夫人 cũng vậy. 夫 là chồng, 人 là người, vốn chẳng có ý nghĩa gì về người đàn-bà làm vợ hết; nhưng theo thói quen, đời xưa dùng chỉ về vợ quan lớn, đời nay dùng chỉ về vợ mọi người.

Những chữ như vậy ít lắm; phần nhiều *nom kép* làm thành bởi cách thứ hai.

Như 天子 chỉ nghĩa vua, có ý nói vua là con của Trời, tỏ ra là tôn-qui lại thần-thiết với Trời nữa.

女子: chữ 子 chỉ nghĩa con (enfant), còn chữ 女 chỉ nghĩa gái để phân-biệt với trai.

女士: chữ 士 chỉ nghĩa người có học, nhưng nó thường chỉ riêng về bên nam mà thôi, nay muốn chỉ rõ là người con gái có học nên để lên trên nó một chữ 女.

Ba *nom kép* mới kể đó đều làm thành theo cách thứ hai: lấy hai chữ có ý nghĩa quan-hệ với nhau mà ráp lại.

Cũng có khi hai *nom* đi liền nhau mà không phải *nom kép*, vì nó mỗi chữ có một nghĩa chứ không phải hai chữ cùng một nghĩa.

Muốn biệnt-biệt *nom kép* và không phải *nom kép*, hãy chú ý đến đây:

Khi gặp hai *nom* đi liền nhau mà *cát* xuôi theo, không có nghĩa, ấy là *nom kép*: như 天子, nếu nói là trời con, 夫人, nếu nói là chồng người, thì thật không có nghĩa gì hết. Còn *cát* xuôi theo mà có nghĩa: như 父母 là cha, mẹ, 山水 là non, nước, 手足 là tay, chân, ấy là không phải *nom kép*.

Những *nom* này gọi là *nom bình-hành* (parallèle), vì nó đi song-song với nhau, không những hai chữ mà có khi đến ba bốn chữ nữa.

Người ta làm thành những *nom bình hành* theo ba ý: một là hai chữ nào đối với nhau; hai là hai chữ nào đồng loại với nhau, ba là hai chữ nào nghịch nhau. Ý thứ nhất như chữ 天地 (đối nhau); ý thứ nhì như chữ 牛羊 (đồng loại với nhau); ý thứ ba như chữ 水火 (nghịch nhau).

Trong tiếng Pháp, khi hai *nom* ghép thành một (*nom composé*), thường có cái ngang-nối (trait d'union) ở giữa; còn khi hai *nom* đi liền nhau mà nghĩa rời ra, phải có dấu phết (virgule) ngăn ra. Nhưng trong Hán-văn không có như vậy, cho nên sự phân-biệt *nom kép* và không phải *nom kép* là rất cần.

IX.—HỌC TIẾNG ĐÔI

a) Theo bài văn-pháp trên đó, đã biết *nom kép* là gì rồi, vậy nay hãy học thêm cho biết một ít *nom kép* ấy, mà cũng lấy ra từ sáu chục chữ đã học rồi kia. Kêu bằng *học tiếng đôi* vì *nom kép* ghép bởi hai tiếng.

- 友人: Người bạn.
- 女工: Công việc đàn-bà con-gái làm.
- 火山: Núi lửa. (Núi có phun ra lửa.)
- 天井: Chỗ giếng đất trông thấy trời nơi hai cái lâu—lầu trước và lầu sau—cách nhau. (Chú ý: không cắt nghĩa là cái « giếng trời » được.)
- 女兄: Chị (Anh gái tức là chị).
- 手巾: Khăn-tay (khăn cầm tay.)
- 手工: Việc làm bằng tay.
- 力士: Người có sức mạnh.
- 才子: Theo nghĩa nguyên là người học giỏi, có tài riêng về văn-chương. Còn theo nghĩa người mình hiểu thì là người có tài đặc-biệt về nghề gì, như nghề đờn.
- 天工: Thợ trời. Chỉ nghĩa là Trời tạo-thành muôn vật một cách tinh-xảo cũng như tay thợ vậy.
- 石田: Ruộng có những đá-sỏi, không cấy-cấy được.
- 水母: Con sứa.
- 角巾: Khăn đầu riêu. (Bịt khăn cho hai đầu mỗi xứng lên như hai cái sừng, nên gọi là 角巾.)

- 水田: Ruộng có nước; ruộng sâu.
- 天足: Cái chân con gái để tự-nhiên. (Phụ-nữ Tàu trước đều bó chân; bây giờ không bó, để tự-nhiên, kêu cái chân tự-nhiên là 天足.)
- b) Theo bài Văn-pháp trên đó, lại cũng đã biết có khi hai *nom* đi liền nhau mà không phải *nom kép*; và muốn đặt ra một cái danh-từ cho dễ nhớ, chúng ta đã gọi là *nom bình-hành*. Mà *nom bình-hành* cũng là tiếng đôi, ta phải học qua một ít cho biết.
- 山川: Núi (và) sông.
- 田土: Ruộng (và) đất. (Theo ta, đất thấp, cấy được gọi là 田; đất cao để gieo gọi là 土.)
- 舟車: Thuyền (và) xe. Đều dùng về việc giao-thông.
- 土木: Chỉ về việc kiến-trúc, việc làm nhà. Bởi trong việc ấy cần dùng nhất là đất và cây gỗ nên lấy hai chữ 土 木 để chỉ nghĩa nó. (Chú ý: Không cắt nghĩa là đất và cây được; tiếng ta cũng phải nói: việc thổ mộc.)
- 父兄: Cha (và) anh. Chỉ nghĩa là những người bề trên trong nhà.
- 水火: Nước (và) lửa. Khi thì chỉ nghĩa là vật cần-dùng hằng ngày, khi thì là sự xung-khắc nhau, khi thì là sự tai-hại: tùy câu mà hiểu.
- 刀尺: Con dao (và) cái thước. Chỉ nghĩa việc may-vá, việc chế ra y-phục. Con dao (hay cái kéo) cái thước là công-cụ của thợ may, nên lấy để đại-biểu cho nghề may.
- 旦夕: Buổi sáng (và) buổi chiều. Chỉ nghĩa trong một ngày.
- 手足: Tay (và) chân. Thường dùng để ví dụ với anh em. Như nói: 兄弟 (đệ) 如 (như) 手足: anh em như tay chân.
- 才力: Tài (và) sức.
- 口舌: Miệng (và) lưỡi. Khi thì chỉ nghĩa là khéo nói, khi thì chỉ nghĩa là rầy lộn với ai, khi thì chỉ nghĩa là mang tiếng chịu lời: tùy câu mà hiểu.
- 爪牙: Vuốt (và) nanh. Chỉ nghĩa những người phò tá cho ai mà đặc-lực lắm, như làm cái vuốt cái nanh cho con thú dữ.
- 衣巾: Áo (và) khăn.

- 土地: Nói phẩm về đất, chứ không chỉ rõ ra đất nào. Như ta nói đất-dại.
- 耳目: Tai (và) mắt. Khi thì chỉ nghĩa làm kẻ nghe ngó giùm cho người khác, khi thì chỉ nghĩa bị người khác nghe ngó vào mình: tùy câu mà hiểu.

CÁCH HỌC BÀI THỨ HAI NÀY

Bài này đại-khải cũng học như cách học bài thứ nhất. Ba chục chữ đó cũng phải theo phép đếm nét và phép viết như đã dạy trong bài trước mà học cho thuộc lòng.

Hôm nay duy có bài Văn-pháp là trọng-yếu hơn hết. Không cần đọc thuộc lòng, nhưng phải hiểu thật dùng và nhớ gặt lấy những cái đại-cương. Bởi vì những bài Văn-pháp trước sau liên-lạc với nhau, có hiểu và nhớ bài trước thì bài sau mới dễ học.

Muốn cho nhớ gặt, hãy làm theo cách này: Sau khi đọc đi đọc lại (không những coi, mà phải đọc, vì có đọc lên mới vỡ nghĩa) bài Văn-pháp này và hiểu thật lung rồi, thì xếp tập báo lại rồi tự mình theo đó mà làm thành một bản đề-cương (Résumé), chép vào cuốn sổ tay của mình. Đoạn lại mở ra mà so-sánh, nếu có sai thì sửa. Khi nào bản đề-cương được hoàn-toàn thì cứ nhớ nội đó là đủ.

Hôm nay thêm *học tiếng đôi*, cũng ba chục tiếng mà thành ra đến sáu chục chữ. Tuy vậy đều là chữ học rồi hết, không khó sự nhớ chữ, chỉ lo nhớ nghĩa mà thôi.

Trong khi học tiếng đôi cũng cần phải tập viết hoài cho càng nhớ gặt mặt chữ hơn nữa.

Cuộc thi về bia của P.N.T.V.

Bởi lúc này chúng tôi đương dự-bị sửa đổi hình-thức của tập báo này lại cho được thêm về mỹ-thuật, nên chỉ trước đây chúng tôi có mở ra một cuộc thi để lựa chọn một cái bia mới.

Như ai này vẫn biết, giải thưởng quán-quân về cuộc thi về bia ấy định là 50500.

Từ sau bữa đăng tin về cuộc thi đến nay, Bản-báo đã thâu-nhận được cả thảy là 22 cái kiểu gặt tới dự thi. Những bức họa ấy hiện nay đã đem trưng tại nhà in Joseph Viêt ở đường d'Ormay và đến ngày 1er Septembre, nghĩa là sau lúc ban-hội-đồng giám-khảo lựa xong, thì Bản-báo sẽ tuyên-bố kết-quả.

P. N. T. V.

THƠ CHO BẠN Ở BẮC



Chị Quế-Anh! chị Quế-Anh!

Đã ba năm chị cùng em xa mặt. Ba năm trời!... thời-gian vẫn vôi mà dài đặc làm sao!... Hồi chị ra, tiết Xuân đến cửa. Đến bây giờ, xuân đến đã ba lần. Xuân đi xuân về,

ba lần xuân, nghĩ chẳng bao lâu. Song tưởng từ buổi tiễn chân chị, em mỗi trông tin mà tình ngày qua ngày lại, mãi đến ba năm thật là dài đằng đẵng. Chị có nhớ em không, chị Quế-Anh!

... Hôm chị sắp đi, em tới nhà chị, chị dắt em ra vườn. Ngoài vườn có mấy cây gòn cao lớn, lá xanh xanh đậm, nhánh tơ hoẵng-hoại, gió đưa là-dà. Đứng dưới bóng cây, chị nắm tay em mà nói rằng: « Chị về đất Bắc, chưa biết thầy mẹ, tình ngu nơi nào; để sau này, an chỗ an nơi, chị sẽ viết thơ cho em hay. Em đừng sợ chị quên em... »

... Rồi chị cùng hai bác ra đi... Em lần ngẩn đứng dưới gốc mấy cây gòn cao lớn, lá xanh xanh đậm, nhánh tơ hoẵng-hoại, gió đưa là-dà...

Trải ba năm rồi. Lòng em vẫn đau-đớn trông tin chị. Em thường đến chỗ cũ, để nhìn cảnh vật cũ, dốc nuôi nấng mấy cái kỷ-niệm xưa cho bao giờ cũng thâm-dậm trong lòng em. Chị Quế-Anh! cái nhà lá, cái vườn nhỏ với mấy cây gòn cao lớn kia, đối với em biết bao nhiều là cảm tình... Đây là nhà của chị, bốn bề cửa đóng. Bao giờ cánh cửa này mới hé ra nữa, để bày gương mặt tươi cười của chị, để thoảng ra tiếng dịu dàng của chị bên với em... « Chào nương hạ cố đến chơi! »

... Bao giờ trên nóc nhà này lại có khói bay lên, bao giờ em lại được cùng chị « chung tay làm quả mứt cà »!...

Còn đây là cái vườn bé nhỏ. Trải biết bao giờ vui vẻ chị cùng em hưởng chung nơi đây. Hồi năm ngoái, một buổi chiều em đến đó một mình. Em ngồi trên cỏ khô, dưới gốc mấy cây gòn. Gòn đến hồi là ừ, gió thoảng qua, lá rơi xuống lúc đặc. Em dở cuốn sách qui hóa của chị để cho em, mà lật tờ này qua tờ kia. Gió háy háy phất, lá gòn lác đác lia cành, lá bay theo gió, lá lại nhẹ-nhẹ đáp trên vai em. Em hồi tưởng đến câu này, của ai chẳng nhớ được nữa:

...Rừng thu gió động là vàng rơi...

mà bắt sa nước mắt. Lòng em buồn hôm ấy, cũng

như một cái rừng vắng-vẻ chỉ vì một ngọn gió thoảng qua mà bao nhiêu kỷ-niệm, cũng như muôn ngàn lá tía, rơi lay động, rơi rơi sa...

Chị Quế-Anh! chị ở phương nào mà chẳng cho em biết! Chị có đều chị buồn mà chẳng cho em hay! Ba năm đã qua!... Em nghĩ đến đều họa phúc, có thể xảy ra trong ba năm rồi mà e sợ khôn ngán.... Em nghĩ đến hai bác « Cội xuân tuổi hạc càng cao » rồi gẫm đến thân chị một mình bảo bọc người mà thương. Có đêm trời mưa, mưa lớn đêm dài dài, em nằm trần-trọc nghe tiếng mưa dừ dội, tiếng nước cuốn-cuộn, tiếng sấm sét vang trời mà lo sợ, mà thương hại cho đồng-bào Trung Bắc. Cơ trời đâu bề, nỗi tai biến có chừa ai, em nghĩ đến chị, càng thêm sốt đả. Có khi em lại tưởng, e khi là thăm chỉ hồng, chị nên gia-thất rồi cái thú dưng nông trong gia đình khiến chị quên em chăng? Không lẽ thế chị Quế-Anh! Chỉ có em tưởng vậy thôi.... Dầu lòng chị đầy đủ chứa chan mối thương « ý-trung-nhân » đi nữa, không lẽ chẳng chừa một góc nhỏ, một ngấn thừa để nuôi mối cảm tình với bạn ngày xưa! Chị tha lỗi cho em đây, em nói ngóng cuồng mãi.

Viết tới đây, em ngậm-ngùi, nghĩ đến nội thơ này may ra cho được cặp mắt trong trẻo của chị nhận từ hàng tâm huyết hay là... tiếng tâm bạn của em phải đành lạc mất trong thời-gian như hạt mưa sa mặt bề chẳng!...

Dầu sao em chẳng quên chị.... Từ đây, trong cái vũ-trụ mộng-tưởng của em, em để riêng một cánh trời cho chị. Từ đây, khi em tưởng đến chị, em chỉ nhắm đôi mắt lại.... Em đi đến một bờ biển vắng vẻ. Gần bờ biển có mấy cây gòn lớn, lá xanh xanh đậm, nhánh tơ hoẵng hoại, gió đưa là-dà.... Em đi đến đó một mình, lại ngồi trên mặt cát, dưới gốc mấy cây gòn.... Trước mặt em là bãi cát vàng. Trước bãi cát vàng là mặt biển mình mông, nước xanh với sóng bạc. Trước mặt bề nữa là trời trong suốt, cũng xanh ngắt một màu. Chung quanh em là tiếng gió, làm lá gòn lao-xào lay động như thì-thầm như to-nhỏ với nhau. Tiếng gió lẫn với tiếng sóng bua trên gành đá, nước dội lên cao trắng xóa.... Chị Quế-Anh! Chị Quế-Anh! em đến đó một mình....

Trông bạn đến bên Tâm dương,

Tâm dương sóng bua bốn phương mặt mù....

NGUYỄN-THỊ MANH-MANH



CÂU CHUYỆN ĐÁM TÁNG

Đám táng là một đám buồn, kẻ còn người mất, kẻ âm người dương. Cái quan-tài năm giờ nào trong nhà, cái tiếng khóc kẻ không giờ nào dứt dặng. Ai thấy cũng phải rơi lụy.

Thế mà đến ngày đem cái quan-tài vào nghĩa-địa, chẳng có sự gì mà tỏ dặng sự buồn cùng công-chúng.

Trừ người Tàu ra, nói về xã-hội Việt-nam ở Nam-vang này. Như đám táng ông X., bà Đ., cô A., v. v....

Ngày đem quan-tài vào nghĩa-địa, cái quan-tài ấy để trên cái nhà giàn nhưi hạng, treo bóng kết túi đủ màu: xanh, vàng, hường, đỏ, tím.... Chung quanh lại còn treo mấy bức thêu rồng, phụng, bát tiên.... Tranh sơn thủy treo cùng bốn phía, một con rồng xanh, vàng, năm dài theo giữa. Đồi ba chục túm lụy « bàn-đưa » nhiều, cầm nhung, nỉ, đủ thứ màu. Nhạc của khách Quảng-dông thời kèn, đàn đồng-la, chụp-chỏa nghe điếc óc rùm tai, coi ra chẳng có một sự gì buồn cả. Bởi vì thói đã thành quen, chẳng có ai lấy làm trái tai gay mắt, chẳng có ai cho rằng một việc nghịch-lý, cho nên cái kiểu cách đó đã ăn sâu vào óc của người mình. Đám táng nào cũng làm in như vậy, cho đến chữ cái nhà giàn cũng không biết cái đó là quấy. Một ngày

một chế tạo thêm những hoa hoè coi cho đẹp cái nhà giàn. Người đi đặt tẩm lụy cũng biểu làm bằng màu vàng coi cho ngộ, màu hường coi cho đẹp, màu đỏ coi cho oai, màu tím coi cho rom... Thành ra cái đám táng chói lóa màu ngũ sắc, hết lộ vẻ buồn.

Xem đó, coi đám táng của người Langsa, có vẻ im-lìm, chẳng có chói màu ngũ sắc như ta, dùng đen trắng là đủ.

Nên cái cách...

Phải cái cách, bà con!

Những đồ gì mà dùng trong đám táng, ta nên dùng màu trắng đen có lý phải. Như bàn đưa « lụy », nhà giàn v. v... Đẹp phứt cái nhạc « bát cẩu » của Quảng-dông đi.

Mlle KIM-THANH
(Nam-vang)

XONG PHẬN SỰ SẼ CHƠI

— Ờ... em! Em đi đánh tennis về phải không?

— Phải. Chà! Bữa nay đánh vui quá! Có cô Bích, bà Diệp....

— Bà Diệp?...

— Ừ, tức là người mà người ta cũng hay kêu bằng thím Năm bên này nè. Thím đánh cũng khá, mà còn thiếu revers.

— Bà Diệp?... Nè em, em biết không: thằng con thím mới có ba tuổi mà thím bỏ cho con vú. Nó khóc từ sớm đến giờ.... Kia đó, nó còn khóc đó!... Con vú không đó... nghĩa là nó đổ không dặng nên nó bỏ lùn khóc bao

hiều thì khóc. Cha thím hàng nhỏ khóc nghe mệt quá! Tội nghiệp!

— Còn thày năm?

— Thày năm mắc đi dự hội. Vì chiều nay, hội thầy dẫu với hội nào đó... Nhưng, dẫu có thầy ở nhà cũng vậy, thầy bắt quá thì cũng như con vú: thầy làm sao đổ thẳng nhỏ nín dặng. Huống chi cái phận-sự ấy là phận-sự của thím.

— Thím Năm quấy thật. Để bữa nào tôi nói với thím...

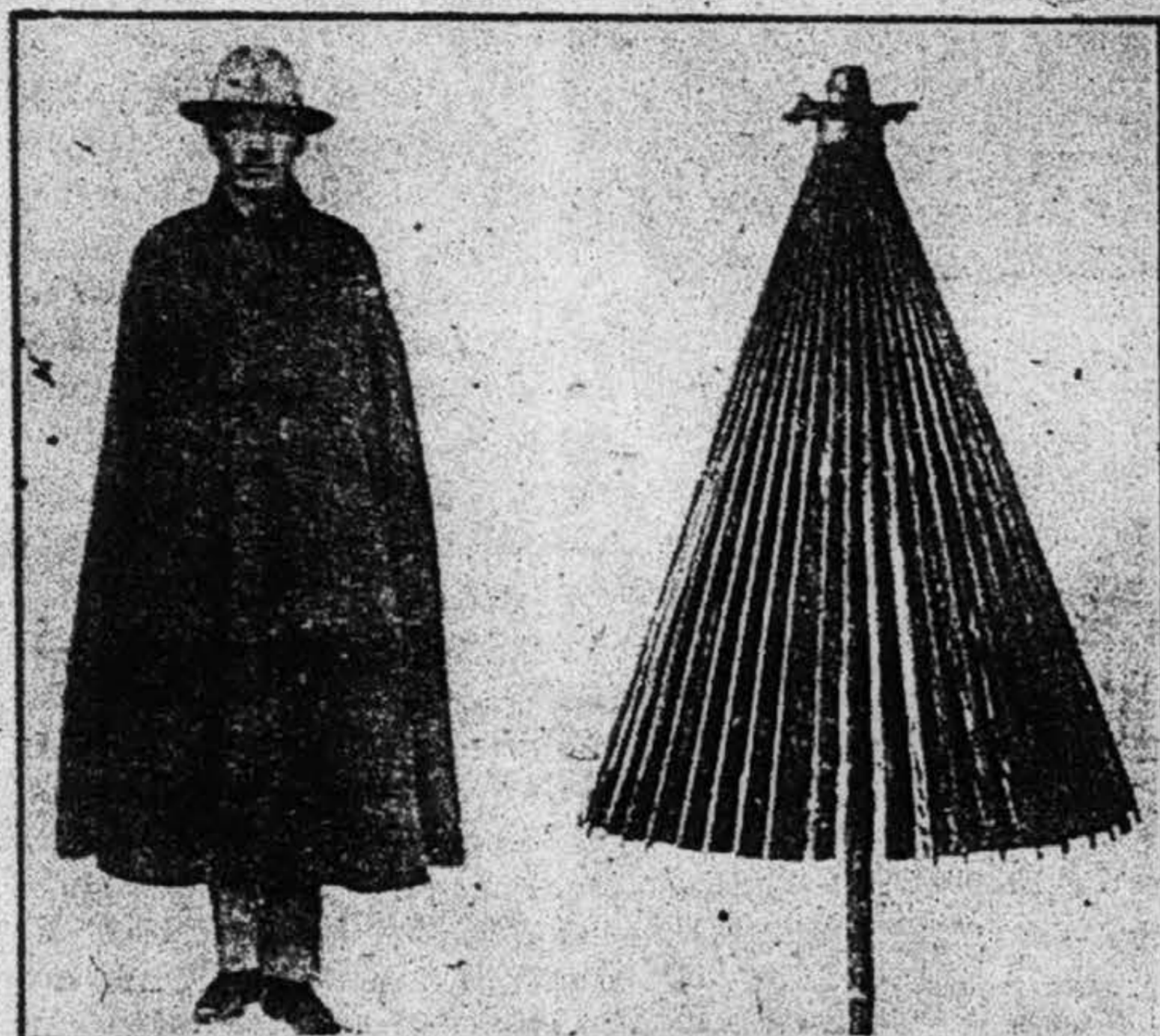
— Em nói gì?

— Em nói: trước cái vợ, trước những sự vui thú trên sân-quần còn một nghĩa vụ rất lớn « phải » lo cho vẹn: nghĩa-vụ của mình đối với chồng con. Bếp núc chưa sạch, nhà cửa rối-rắm, con khóc, chồng buồn, với mấy cánh ấy trong gia-đình, ta chẳng nên dửng dờ ngang để đi mua vui riêng với cây vợt. Mà như là để một đứa con nít ba tuổi khóc lên khóc xuống dặng mình đi chung vui cùng chúng bạn thì thất-đức quá.

— Phải. Mà lại còn là ích-kỷ một cách đáng bỉ nữa! Em nghĩ coi: đều cần nhưt cho một đứa nhỏ là tình của người mẹ trong những lúc nựng-nịu, âm bằng, dỗ dành; thế mà, chỉ lo cho mình dặng vui dặng thỏa như vậy có phải là ích-kỷ quá không? Chơi vợt có phải là đều cần nhưt dẫu: chơi dặng thì tốt, còn chẳng dặng thì cũng không chết chóc gì đó. Chớ cái phận-sự không thể chạy chối của mình, mình cần phải lo xong, là: nội trợ cho người đàn ông, mà nhưt là săn sóc con mình. Người ta còn lập Duc-anh-hội để nuôi nấng săn sóc mấy đứa con nít vô phước không dặng mẹ ruột chăm-nom kia mà! Ai chơi vợt như em đây, chưa chồng chưa con, thì chẳng nói làm chi, chớ như thím Năm thì chị chớ ngay.

ANH-VỎ

Sự so sánh khéo léo của nhà mỹ thuật



Trong các họa-báo (*Journal illustré*) của người Tây người Tàu ngày nay, họ hay đem những nhân-vật có danh đương-thời mà so-sánh với những vật trong tự-nhiên-giới (*la nature*). Trong sự so-sánh ấy thường thấy ra cái xảo-tử của mỹ-thuật.

Sự này là do người Tây bày ra mà người Tàu bắt chước. Đây chúng tôi lấy cả trong họa-báo của Tây, của Tàu, hiệp lại mà đăng lên để cống-hiến cho độc-giả thưởng-giám và nhất là cho nhà mỹ-thuật của ta lấy làm tài-liệu.

Cái hình trên hết lấy ở họa báo Tàu; còn hai cái dưới lấy ở họa báo Tây.

Hình thứ nhất: Tượng-giới Thạch đem so sánh với cây dù đi mưa của người Tàu, thiệt giống quá. Ấy là chỉ lấy về mặt hình tợ mà thôi, chứ không có ý-nghĩa gì.

Hình thứ nhì: Mussolini đương há miệng diễn-thuyết, đem so-sánh với con khi-đốt cũng đương há miệng đòi ăn. Mà lại có ngụ ý rằng trong núi nào không có các thú dữ thì khi-đốt làm lớn, cũng như trong nước Ý-ta-ly không có bạc anh-hùng nào nữa thì Mussolini làm lớn.

Hình thứ ba: Ông Hoover, đại-tổng-thống nước Mỹ, đem so-sánh với con chó ngao, mà coi thần-linh thật có chỗ giống lắm. Lại cũng có ngụ ý rằng ông Hoover làm nguyên-thủ, giữ-gìn cho nước Mỹ được yên-đàn, cũng như con chó ngao giữ nhà.

Những bức hình so-sánh này còn nhiều nữa, và lại có nhiều cái ngộ-nghĩnh hơn nữa, xin hãy chờ xem trong mấy số tới.



HEO GẠO

Bệnh « heo gạo » sanh ra là tại trứng con sán (con xơ mít = *Tœnia*). Người ta biết bệnh này và sợ nó đã lâu đời rồi; và có lẽ Moïse và Mahomet, 500 năm trước Chúa giáng - sanh, thấy người ta ăn thịt heo gạo phải sanh bệnh nên truyền cấm người hôn-đạo không cho ăn thịt heo; tục ấy hãy còn lưu truyền tới ngày nay.

Con sán hình đẹp như xơ-mít (nên kêu nó là con xơ-mít), dài chừng 4, 5 thước, chia ra nhiều ngăn; trong mỗi ngăn đều có trứng.

Lúc còn sán ở trong ruột người và mấy ngăn đó già rồi thì đứt rời ra, còn trứng thì theo lộn với phân mà ra ngoài. Trứng có bao một cái vỏ dày, nên dầu nó ở chỗ nắng mưa cũng không hại chi.

Mấy con heo không nhốt trong chuồng, thả ăn ngoài đồng, cũng chung quanh nhà, ăn nhấm mấy trứng đó lộn với đồ ăn. Trong trứng có trứng hình con sán sẵn rồi nên khi bị nuốt vô bao tử và ruột của heo, cái vỏ trứng liêu ra thì con sán nở, bỏ chung vỏ mạch máu mới được trôi vận đi khắp châu-thân, vô mấy chỗ thịt nhiều, trú tại đó trọn đời mà sanh ra bệnh.

Dùng cách nào biết heo có gạo? Người ta gọi bệnh này là bệnh « heo gạo » bởi vì trong thịt heo bệnh có hạt trắng trắng như hạt gạo, mấy chỗ thường có hạt gạo như thịt chung quanh tấm



chên - dưng (*diaphragme*), dưới lưỡi, thịt hai bên xương hàm, thịt bắp đùi, thịt trái thảng, trái tim, nên muốn biết heo có bệnh hay không thì xẻ thịt mấy chỗ nói trên đây ra mà xem, sẽ thấy liền.

Mấy hạt gạo ấy không giống nhau, vì nó có hai thứ: ban đầu thì hạt-gạo trong bóng, trong có nước, dài dài, nằm dọc theo sơ thịt; coi cho kỹ thì thấy ngay giữa hạt gạo có đốm trắng nhỏ, đó là cái đầu của sán con, sau

50 số giá 1\$00

Phụ-nữ Tân-văn từ ngày ra đời đến nay đã hơn ba năm, những số báo cũ mỗi kỳ dư một ít dần chừa rất nhiều. Tuy không được liền số cùng nhau nhưng cũng có thể đọc các bài vô ích lợi được.

Bên báo định bán 50 số giá 1\$00 tiền gửi về phần Bên báo chịu. Trong 50 số đều khác nhau chứ không trùng. Cứ một collection 50 số là 1\$00; qui vị ở gần muốn mua xin đến tại báo quán còn ở xa thì gửi mandat theo thư. Bên báo không gửi cách lãnh hóa giao ngân.

Ở xa hay là đến tại báo quán cũng đồng giá 50 số là 1\$00.

lâu rồi sán con chết đi thì nước trong đó khô lại, hạt gạo lần lần trở nên cứng và vàng vàng.

Heo làm thịt rồi, để coi hơn lúc còn sống. Lúc heo còn sống thì bệnh không hành ra chứng nào coi cho rõ ràng, nên mấy người khách ở lò sát sanh hay lật lưỡi lên coi. Vậy cũng không chắc, bởi vì mười con heo gạo thì có chừng hai con có hạt gạo dưới lưỡi mà thôi.

Có nên ăn thịt heo gạo hay không?

Trong mấy hạt gạo đều có sán con, ăn nhấm thịt có hạt gạo thì tức nhiên sán con nở ra, lớn lên thành con « xơ-mít ». Vậy nên lúc nào quan thầy khám thịt thấy trong một kilô thịt có độ 30 hạt gạo thì không cho ăn thịt đó. Heo bệnh phải đem chôn, mổ thì được phép lọc ra mà thảng tại lò. Khi nào gạo ít hơn thì quan thầy cho phép bán thịt, song phải xắt nhỏ ra từ cục chừng một kilô và luộc trong nước sôi trong hai giờ đồng hồ.

Làm cách nào cho heo khỏi mang bệnh? Có một cách là đừng cho heo ăn nhấm trứng con sán. Heo nuôi trong chuồng mỗi ngày phát đồ ăn ít khi mang bệnh hơn heo của mình nuôi trong làng thả hoang ngoài lò, bờ ruộng và bầu vũng, mấy chỗ có nhiều phân người, dễ ăn nhấm trứng con sán mà sanh bệnh.

Thủ y: NGUYỄN-VAN-DUNG



CHƠI TRUỒI BUỒI CHIỀU

Huế cách ba ga nửa đến Truồi,
Luyện tình theo bạn chút mua vui.
Non chào khách lạ mây hòa vẻ,
Sóng rước dề ngang nước thuận xuôi.

Giục khách cỡi tàu rên núi dậy,
Chen tay mặt nhứt tớm ngày lui.
Giang san như mền lòng du-tử,
Trở gót lên xe luống ngậm ngùi.

NHỚ ME

Xót người tựa cửa buổi hôm mai,
Càng nhớ càng thêm lụy nhỏ dài.
Nước mắt tuôn vì ơn của mẹ,
Buồng gan héo bởi nợ hoài thai.
Non mây cụm trắng khuai lòng trẻ,
Bề khổ đầu xanh bực chí trai.
Ơn chất tay non còn bạn bậu,
Đền bồi chút ít đám dâu sai!

ĐOÀN-LỮ



BẾN DALAT TỨC CẢNH

Xinh thay phong-cảnh nước non nhà,
«Tiêu cảnh» rằng đây thật chẳng ngoa.

Nhưng tiếng là cao, cao chưa mấy...
Trông trời còn ở tí mù xa!

HỒ DALAT

Đa-lạt xinh thay có cảnh hồ,
So cùng Nhược - thủy hẳn không thua.

Lâu-dài dọn bóng quanh ba mặt,
Hoa-cỏ lộng gương ngát bốn mùa.
Đêm thanh sương tỏ màu phần bạc,
Ngày thanh nước nhuộm sắc trời thu.
Chủ-nhân này hỏi đi đâu vắng?
Năm-tháng nghênh-ngang mấy lão đồ!

Q. T.

NHON TINH

Hai mươi tuổi lễ đứng trong đời,
Mắt thấy bao nhiêu chuyện nực cười.
Trục lợi bôn danh thói đủ cách,
Khinh bần trọng phú hiểm chí người.
Anh em hết của còn xấu-xé!
Chớ bác không nhà cũng tá-tối!
Mới biết sang giàu thì chúng chượng,
Tay không ai đón với ai mời?

II

Tay không ai đón với ai mời?
Đờ-dờm hay cho cái thói đời!
Thấy kẻ sang giàu nhiều kẻ nịnh,
Chê người khố-khó ít người chơi!
Lưng không su-nhỏ, khôn thành đại!



Túi sản tiền trăm, dốt cũng trời!
Thờ hỏi ai người dầy đạo-nghe!
Thạp thêm ổng tiếng, nói thêm lời!

III

Than thêm ổng tiếng, nói thêm lời,
Hỏi thúi ai như cái bụng người!
Trong tiệc đầy mâm ngon sượng

miếng,
Giữa đường đứt gánh mặt thấy ai!
Thương yêu những chuyện treo đầu lưỡi!

Nịnh hót nhiều trò chọc lỗ tai!
Đạo-đức đem màu dối mặt nạ,
Tuồng chỉ ít vốn khéo dăm lời!

IV

Tuồng chỉ ít vốn khéo dăm lời,
Ba tấc lưỡi đưa hàm-hại đời.
Mỗi đệp nở đem ra như cá,
Chuyện hư sao dám buộc cho người?
Dầu đường hực cháy còn thêm lửa,
Đạ đá trắng phau muốn nhuộm với!
Nói nửa lăm chỉ cho nhọc miệng,
Ai hay ai dở phú cho trời!

THU-GIANG

PHONG DAO

Núi kia non mãi non hoài,
Chắc là núi chẳng có tai, phải rồi!
Có tai nghe rõ chuyện đời,
Thì non hơn núi mấy mươi cũng già!

Trắng già, mà mặt còn tươi,
Vì trắng không ở cõi đời này chăng?
Cõi đời lăm chuyện lố-lãng,
Mặt ta còn trẻ đã nhân-nhiu rồi!



Trong vườn ngàn sắc hoa,
Đề lộn vào phá sao mà không coi?
Hỏi ra: ổng chủ chết rồi,
Còn con với cháu chẳng ai thiết gì!

Ng-v-ĐINH

BÀI RÀN CỜ BẠC

Rất hại không gì bằng đánh bạc,
Thua sanh hư, mà được cũng sanh hư.

Biết bao được được thua thua?
Vi như miệng chén kiến bò hay dêu.
Nghề cờ bạc ngấm lâu cho chán,
Một đám mây tụ tán giữa trời!

Hại thay cái bịnh tham tài,
Làm cho mẹ mướn hại người xiết bao?
Nào lúc được lâu cao thiết khách,
Miếng cao lương thanh lịch đã thừa.
Nghĩ khi hại đến cửa nhà,
Thương tiền nước mắt mờ hỏi nở nào?

Sống mê-tân chẳng sao mà dăm,
Nền trái-dải không đắp mà cao!
Trớt vì tay đã nhúng vào,
Ruột nào chẳng xót, lòng nào chẳng cay!

Máu ham bạc còn say chưa tỉnh,
Dầu gươm kẻ sét đánh không thôi!
Than ôi! cũng một bụng người,
Thờ đem chữ nghĩa chữ tài mà soi!
Việc công nghĩa một ai cũng tiếc,
Lúc mê chơi của hết cũng là...

Dầu rằng thân thích vuột rã,
Ngồi trong đám bạc cũng là tình sơ!
Thối cái dại từ xưa chẳng kể,
Quyết tòng lương, cái tệ từ nay.
Rút thân khỏi đám bạc này!...

Mlle Ngọc Hoa

KỶ ỨC TẠO-THỊ-KH.

Mặt ước cùng nhau từ thuở nhỏ,
Đá vàng, nào phải là trắng giỗ.
Bây giờ kẻ ngược với người xuôi,
Hết kẻ chàng đầu thời thiếp đó,
Cuộc thế xây vắn lúc hiểm nguy!
Cảnh nhà gặp gỡ hồi thương khó.
Khổ nên trác trở mới tơ duyên,
Ai có rõ chăng? chẳng chẳng rõ?

SÔNG CỬU-LONG

Ngọn nước Mê-kong gặp với Tàu,
Chia hai sông Trước với sông Sau.
Ngược xuôi sáu ngã quanh quao

khác,
Lên xuống ba hàng dính dấp nhau.
Xem thế hình rồng năm có khúc,
Dung chí loài thú dựa theo hầu?
Mình mong một giải nhìn thâm thẳm,
Than thờ vì ai khuấy đục ngàu.

THƯỢNG-TÂN-THỊ



TIN TỨC TRONG NƯỚC

Ông Claeys bị đánh nặng.

Mới rồi ông Claeys Thanh-tra Cổ-vật-học ở trường Bác-cổ Viện-dòng (Hà-nội) vào Huế để chụp hình một cái chùa, thỉnh lnh bị một thằng điên đánh trúng chơn máy phía hữu rất nặng.

Ông Claeys vào nhà-thương điều-trị, còn thằng điên kia đã bị bắt giam.

Số không mất của.

Bữa thứ năm 11 Aout, M. Huỳnh-vân-Trong, giúp việc sở Thương-chánh Saigon, đi làm việc, lên Tầm ở nhà, thừa lúc vợ thấy ngủ, ăn cắp chìa khóa mở tủ lấy tiền bạc và đồ đạc gần 4.000 \$ rồi đóng mui.

Hay tin ấy M. Trọng sai người nhà ra chợ kiếm tên Tầm, có người nói rằng thấy nó mượn xe-hơi số C. C. 153 mà đi Châu-độc hồi này.

M. Trọng liền báo cho sở Mật-thám biết, để thông tin cho cô bót ở lục tỉnh đón bắt tên Tầm giùm. Thật quả, lúc tên Tầm vừa ngồi xe-hơi xuống đến bến đò Mytho, có một viên son-dầm đến nơi, nhìn rõ số xe C. C. 153 liền chặn bắt tên Tầm mà dẫn về bót. Tên Tầm thú-thật, đem đồ ra trả đủ, chỉ thiếu có 100 \$ thôi.

Linh đã giải tên Tầm về Saigon rồi.

Ăn-cướp đánh xe-hơi đồ.

Hồi 9 giờ sớm mai ngày thứ bảy, 13 Aout, xe-hơi đồ chờ thư (Auto-postale) số C. 3.754 ở Nam-vang chạy gần tới Skoun, thuộc tỉnh Kompongcham, bỗng có 6 người Annam, tay cầm dao và súng, đón chặn xe lại.

Sớp-phơ biết gặp bọn ăn cướp, lật đặt đạp sãng cho xe thoát qua, nhưng bị ăn cướp bắn trúng nên anh ta phải ngừng xe lại. Ăn cướp bửa ra một phát nữa, trúng nhằm một người Tây, kẻ xe ngừng, gần 20 người hành-khách đều nhảy xuống đất bỏ hết đồ hành-lý mà chạy. Ăn cướp vét sạch đồ đạc rồi xuống ghe đậu mé sông Mékong mà bươn về miệt Biên-hồ.

Sở Sơn-đầm Kompongcham hay tin ấy có đến nơi làm biên bản và tìm bắt bọn ăn cướp, nhưng tìm chưa ra tông tích. Còn người sớp-phơ bị bắn kia thì đã chết rồi.

Thờ-lễ mới về việc nấu rượu ở Bắc-kỳ.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ mới ký một tờ châu-trị mới về thờ-lễ nấu rượu, sẽ ban-hành kể từ ngày 1er Juillet 1933 là ngày hằng Fontaine sẽ hết hạn độc-quyền về việc nấu rượu ở Bắc.

Tờ châu-trị ấy nói ai muốn lập nhà máy nấu rượu cứ làm đơn xin phép, Nhà-nước sẽ cho được quyền nấu rượu trong một năm, khi mãn hạn sẽ làm đơn xin phép lại nữa. Thế là, qua năm 1933 chế-độ nấu rượu ở Bắc-kỳ cũng giống y như ở Nam-kỳ, nghĩa là ai có vốn thì lập nhà máy mà nấu và đóng thuế cho Nhà-nước.

Các ông Dân-biểu không chịu lay vua.

Hiện nay triều-dinh Huế đang dự bị những lễ nghi để nghinh tiếp Hoàng-đế Bảo-Đại. Mới rồi quan Lễ-bộ Thượng-thư là ông Võ-Liêm có tư giầy qua bên quan Khâm-sứ Châtel, thương-thuyết về việc các ông Dân-biểu Trung-kỳ vô châu vua Bảo-Đại. Lễ-bộ định Hoàng-đế sẽ thiết đại-triều để tiếp kiến các ông Dân-biểu, vậy thì các ông Dân-biểu phải mặc áo rống xanh và phải lay vua nữa.

Được tin ấy ông Nguyễn-Trác, Nghị-trưởng viện Dân-biểu trả lời rằng các ông Dân-biểu vào yết-kiến Hoàng-đế là phải, và triều-dinh muốn bày ra lễ-nghi gì cũng được, nhưng về việc lay, thì các ông ấy không lay.

Hiện nay Nam-triều và viện Dân-biểu đang bàn tính về việc lay với không lay chưa xong. Ông Nguyễn-Trác nhứt định giữ cái ý không lay kia, và phần đóng trong viện cũng đồng ý với ông.

Bị bán làm bó mạng.

Hôm mới rồi có hai anh em người kia ở lối ga Phú-ninh, huyện Tuyên-hóa (Quảng-binh) vào rừng Phú-ninh để đào củ nâu. Lúc hai người đang chen-chui đào củ nâu bỗng một người bị một viên đạn nơi bụng ngã liền.

Bấy giờ có một người Tây Tên Mabillesau, điền chủ ở Phú-ninh, vát súng chạy đến. Té ra hồi này M. Mabillesau đang đi săn, thấy có vật gì cựa quậy trong bụi rậm, ngờ là cạp beo gì đó nên bắn đại và trúng nhằm tên nọ đó.

Khiêng người bị đạn đến nhà thương, thầy thuốc tận tâm cứu chữa, nhưng đạn xuyên lủng bụng nên người ấy phải chết.

Ăn cướp đánh bà dăm Pháp.

Hồi 8 giờ đêm thứ năm 11 Aout, một người đàn-bà Pháp tên B.... ở Saigon ngồi xe ngựa về nhà ở Phú-nhơn. Khi xe đến ngã tư Tân-sơn-nhứt (Giadinh) thỉnh lnh có 4 tên cướp mặt bôi lọ đen thui ở trong lè đường xông ra cản xe-ngựa lại rồi lôi Mme B.... xuống đánh đập và móc túi lấy 50\$, một cây viết máy bằng vàng, một xâu chia khóa, rồi chạy mất.

Khi Mme B.... tỉnh lại thì bọn cướp đã đi xa rồi, nhưng bà cũng đến bót Giadinh mà cõ.

Đêm hát ở Nam-vang.

Buổi hát đặc-biệt hôm 13 Aout ở Nam-vang giúp nạn dân miền nam Trung-kỳ kết-quả rất n-I-mãn. Mới lối 8 giờ mà phải ngưng bán giầy vì hết chỗ ngồi. Số tiền thâu vào dâng gần bảy trăm đồng.

Anh em tài-tử «Liên-lục» đóng trò rất tài-tình. Về hài-kịch «Nhà văn-sĩ tàn-thôn» là một vở thơ nhứt của một người Nam-kỳ - tức là L. X. - soạn ra, đăng công-chúng hoan nghinh một cách đặc-biệt.

Vụ Hồ-đắc-Bích.

Chắc bà con ai cũng còn nhớ vụ viên phủ Hồ-đắc-Bích

và nha-lại phủ Hàm-thuận ăn hối-lộ to lớn xảy ra hồi tháng Décembre 1931.

Nay đã đăng tin quan Khâm-sứ Trung-kỳ và viện Cơ-mặt ngày 19 Juillet 1932 đã cử một hội-đồng để xử vụ ấy. Ban hội-đồng có :

1) Ông Bréda, nhất hạng chánh-trị quan, sung chức thanh-tra hành-chánh và chánh-trị ở Trung-kỳ, làm chủ-tọa ;

2) Ông Nguyễn-xuân-Đàm, hàm chánh tam, Thị-lang Bộ-lại, hội-viên ;

3) Nguyễn-Hàm, hàm Hương-lò-lỵ-khanh, Chương-ấn Đô-sát-viên, hội-viên.

Còn vụ kiện xử ra làm sao thì chưa thấy nói, đợi có tin gì sẽ tiếp.

Việc cử Đại-biểu sang Paris.

Hôm 13 Août, quan Thống-đốc Nam-kỳ có kỳ nghị-định về thể-lệ tuyên-cử Đại-biểu Việt-nam qua Thượng-hội-đồng Thuộc-địa Paris.

Cuộc tuyên-cử này định vào ngày chúa-nhật đầu tháng (octobre) có lẽ là 2 Octobre) và nếu phải bỏ thăm kỳ nhì, thì cũng mở ngày chúa-nhật tuần kế đó.

Bắt được 26 tên cướp.

Hôm 8 Août, viên san-dâm Bazin ở Mytho, có hiệp với MM. Waxin và Albène bắt được 26 tên cướp, lấy được 5 khẩu súng trường và 1 khẩu súng lục với 50 bi đạn.

Giải về bót, bọn bắt lương kia đã thú tội và khai lâu nay chúng nó đã cướp giết nhà ai rồi.

Khách-trú muốn về Tàu.

Không tiền đóng giấy thuế-thân, hơn tháng nay khách-trú dạt nhau đến các bót ở Saigon-Cholon xin bắt giải họ về Tàu đóng làm. Bất họ mà giải về Tàu, cực lòng tốn hao cho nhà-nước thì có, chứ chẳng ích lợi gì, nên có bót không thêm bắt nữa, chú nào leo đến là lính đuổi cở ra liền.

Không nạp mình cho có bót ở Saigon-Cholon được, bọn khách-trú kia liền kéo nhau vô Giadinh để báo đời người ta ở trông nữa. Vào tới chợ, hề thấy anh lính nào đứng gác ngoài đường, họ cũng đi lại gần, nói mình không có tiền đóng giấy thuế-thân, xin bắt giải về Tàu giùm chút !

Nghe nói hôm nay khách-trú dạt nhau về Tàu, kẻ luôn đàn-ông đàn-bà và con nít, có đến 8.000 người. Có lẽ nay mai có bót Giadinh cũng không thêm bắt họ nữa..

???

Ai muốn gởi con học tại Paris

Ông Bizos giáo sư nhất hạng tại Học-đường Buffon Paris, sẽ lãnh nuôi một vài vị học-sanh ăn ở tại nhà ông.

Sự ăn ở sang-trọng và tử-lẽ lắm, lại ông sẽ hết lòng trông nom săn sóc cho.

Muốn hỏi điều chi xin do theo Adresse sau đây :

M. BIZOS Professeur, N° 17 Rue de Bagneux Sceaux (Seine).

Tâm lòng từ-thiện của anh em du học-sanh

Gần đây một số anh em học-sanh Việt-Nam ta ở bên Pháp có tổ-chức ra một cái hội gọi là hội « Tương-tế và Học-thuật », do ông Cao-văn-Chánh làm hội-trưởng.

Cái tin này vừa rồi các báo quốc-ngữ hằng ngày đã có đăng rõ.

Nay Bồn-báo lại mới tiếp được của hội « Tương-tế và Học-thuật » từ bên Pháp gởi về một cái mandat là 102/ cây chuyen-giao lại cho đồng-bào bị nạn ở miền Nam Trung-kỳ.

Bồn-báo hết sức lấy làm ngợi khen các nhà chủ-trương hội T. T. H. T. đã không quên cái nghĩa-vụ tương-tế đối với những anh em đồng-bào bị rủi ro ở quê hương xứ sở.

P. N. T. V.

MAI CỐT CÁCH TUYỆT TINH THẦN

Ở đời ai cũng muốn lịch sự, muốn đẹp như mai, trắng như tuyết, mà có nhiều khi vì một sự không biết cách sửa sang trau dồi mà sự đẹp sự tốt nó lu mờ đi, vì lẽ ấy mà nhà Mỹ-viện AU-FIGARO SAIGONNAIS mới tìm ra một thứ thuốc nước Bạch-liên-thủy để giúp ích cho các bà các cô

Nước Bạch-liên-thủy này do nơi nhà bảo chế Lang-sa chế ra, để thoa da mặt cho mát đọng giữ cho da mặt khỏi bị nám và trừ được mồ hôi mặt khỏi trỉnh. Dùng Bạch-liên-thủy động dồi phấn, dầu có đi đường xa trọn ngày cũng khỏi sợ mồ hôi tươm ra và không trôi phấn nữa.

CÁCH DÙNG : Rửa mặt sạch lau khô, rồi đổ nước Bạch-liên-thủy vào tay chà cho đều, chà rồi để cho khô mới dồi phấn.

1 ve giá : 0\$80
Mua sỉ có huê-hồng nhiều.

Bán sỉ và bán lẻ tại :
Salgon Mỹ-viện :
AU FIGARO SAIGONNAIS
N° 52, Boulevard Honard 52, Salgon
Và hiệu : **AU MEILLEUR PRIX**
N° 15, rue Martin des Pallières, Dakao

HÃY HÚT THUỐC JOB

VẬY MỚI TÌNH !

(Tiếp theo)

Không dứt đến nhà cô Kinh-lý để khoe mình có mèo sang mèo bảnh, thì chắc Hữu-Phước cũng dứt chàng về nhà, nhưng cái đó lại còn nguy hiểm cho thầy thông sớ Mật-thám ta hơn nữa. Cái tình của Văn-Anh đối với Cúc-Hương nó nặng nề chèn chừa biết là bao nhiêu ? Từ ngày hoa kia có chủ, Văn-Anh đã giết tất lửa tình, đã không còn mơ màng tưởng tượng chi đến cái ái tình vô hi vọng ấy nữa song cách mặt khuất lời thì chàng gặp lại « ực lửa lòng, chớ còn gần nhau gang tấc, thấy nhau trước mắt bên mình, ai dám chắc giữ được bệch tro tàn còn bọn lửa cho khỏi bèn lại cháy lại ?

Gặp Cúc-Hương chàng sẽ nhớ hết thầy những tình xưa nghĩa cũ, gặp Cúc-Hương tức là khêu động lòng chàng, mà còn gặp Cúc-Hương làm chi đây nữa ? Cái giấc mộng năm xưa đã làm cho chàng thất điên bát đảo, đã làm cho chàng tiêu từ lao tâm, bây giờ chàng há chẳng đợi mình mà còn gây lại giấc mộng ấy ?

Trước khi cưới Cúc-Hương, Hữu-Phước với Văn-Anh tuy là bạn bạn, gần gũi chuyện văn với nhau thường thường, song Hữu-Phước không thích Văn-Anh cho lắm. Không hiểu tại sao hôm nay linh cơ hai người gặp gỡ nhau giữa đường. Văn-Anh vẫn giữ lối độ trầm tĩnh như xưa, mà Hữu-Phước lại ăn cần niềm nở với chàng lung lắm.

Dắt nhau đi, Hữu-Phước nói nói cười cười, còn Văn-Anh thì ừ hừ cầm chường, chớ không kêu gọi việc gì ra mà hỏi Hữu-Phước cả. Đến trước một dãy phố trệt ở đường Frère Louis, hai người dừng chơn lại, Hữu-Phước nói :

— Tôi nhà tôi rồi, mời anh vào chơi nghe ? Giờ này chắc có ở nhà tôi ở nhà và gặp anh chắc nó sẽ mừng lắm.

Nghe mời, Văn-Anh biếng sắc, lật dật đáp :

— Rủi quá, bữa nay tôi không thể ghé được. Tôi...

— Không, không, anh đừng ngại chi hết mà. Đêm nào tôi cũng đi chơi, vợ tôi không có ghen tương, không có cần-rắn chi đâu mà anh phòng sợ. Và lại đêm nay tôi về sớm, và có dắt anh về thì vợ tôi lại mừng lắm.

Hữu-Phước vừa nói vừa nắm tay dắt Văn-Anh vào nhà. Một đứa nhỏ bước ra chào hỏi, Hữu-

Phước đưa nón cho nó cất và nói :

— Coi rót nước uống rồi vô thưa với cô có khách ; mời cô ra nói chuyện.

Thằng nhỏ đã rồi trở vô buồng. Lúc ấy Văn-Anh liết mắt khắp phòng, thấy đồ-đạc trang-hoàng rực rỡ, tỏ ra nhà có đàn-bà biết cách chưng dọn.

Đồ-đạc trong nhà Hữu-Phước thật 16t, thật quý, giá đến mấy ngàn đồng. Hữu-Phước sầm được như vậy là bởi ông thân chàng mất cách mấy tháng trước, chàng được lãnh một phần gia-tài đến mười mấy ngàn đồng. Có tiền sắm đồ-đạc, lại có vợ biết cách chưng dọn, bởi vậy vừa liết mắt sơ qua Văn-Anh đã phải khen ngợi.

Hữu-Phước hiểu ý Văn-Anh nên vừa cười vừa nói :

— Tôi sắm đồ tốn tiền nhiều quá, nhưng cũng nhờ vợ tôi nó sắp đặt chưng dọn nên coi mới được đó.

Nói rồi Hữu-Phước mời Văn-Anh ngồi trên ghế sa-lông có nệm nhung và có ruột gà êm lắm.

Tám màn chõ cửa buồng lay động, kẻ Cúc-Hương bước ra. Cô ấy mặc một cái áo cầm nhung trơn màu « nước biển », quần sa-lanh trắng, chơn mang giày cao-gót « Thuận hòa », má phấn, môi son, coi thật là đẹp.

Văn-Anh ngó một cái là thấy đủ hết. Hữu-Phước ngó vợ, ngó Văn-Anh rồi hỏi :

— Coi, mình không biết ông khách nào đó hay sao ?

— Anh hai ! Vậy mà tôi tưởng ông khách nào đó hay lạ chớ.

— Anh hai anh tẻ lắm mình. Anh về đây bởi nào không biết, anh thơ thần trước chùa Chá, thời may tôi gặp, tôi dẫn anh về đó. Thật anh vô tình với tui tui lắm. Chớ chi tôi không gặp anh, chắc anh cũng không đi tìm mà thăm tui tui bao giờ.

— Mình nói trùng ý anh quá.

HÃY HÚT THUỐC JOB

— Vậy mà hồi này anh cũng không chịu vô nhà mình nữa chớ. Tôi biết gặp anh mình sẽ mừng lắm, nên tôi mới kéo riết anh về, không cho nói lời thối gì hết.

Văn-Anh cười và nói:

— Anh khéo nói thêm cho tôi quá.

Cúc-Hương kéo ghế ngồi một bên chông rồi nói:

— Đã lâu rồi, tôi không có gặp anh lần nào hết.

— Ủ, anh đi Namvang trước khi đám cưới mình kia lần mà. Anh hai, anh còn ở Saigon chơi được bao lâu nữa?

— Tôi không biết chắc... có lẽ chừng một tuần lễ.

Ngó lên đồng-hồ Westminster treo trên tường,

Hữu-Phước nói:

— Không mấy thuở gặp nhau, anh làm ơn thuật chuyện Namvang cho ở nhà tôi nghe với. Lâu nay nó nghe đồn Namvang tốt đẹp thế này thế kia, nhưng nó không có đi lên đó lần nào và cũng không có nghe ai thuật phong-cảnh nhơn-vật trên ấy cho rõ. Bữa nay tôi hẹn lỡ với anh em, đúng 8 giờ này thì ra Continental uống rượu và bàn tính công việc của hội Baria Trương-lễ. Còn có 5 phút nữa tới giờ, vậy tôi phải đi mới được. Anh ở nhà

nói chuyện với ở nhà tôi chơi nghe anh hai?

Cúc-Hương nói:

— Mình mắc đi hội thì cứ đi kéo trễ, để tôi ngồi hầu chuyện với anh hai cũng được vậy mà.

Văn-Anh đứng dậy, dợm muốn kiêu từ, Hữu-Phước lật đật cản lại và nói:

— Coi, anh muốn về hay sao? Ở lại chơi chút nữa mà. Tôi mắc đi hội, chớ ở-nhà-tôi nó ở không, nó thế cho tôi mà cảm khách cũng được vậy mà. Tôi đi chừng nửa giờ thì tôi về...

Bắt tay Văn-Anh rồi, Hữu-Phước đội nón, xách « can » đi tuốt. Bấy giờ hai người đối diện, nhưng không ai ngó mặt ai, kể ngó tách nước trà, người ngó dưới đất, không nói một tiếng gì cả.

Một lát Cúc-Hương lại ngồi trên ghế dài, gần bên Văn-Anh, du dự mấy lần rồi mới nói:

— Cách biệt nhau đã lâu, nhưng tôi có ý coi anh không có thay đổi gì hết. Anh có biết như vậy hay không, anh hai?

Văn-Anh mỉm cười chớ không trả lời. Có lẽ chàng muốn trả lời câu hỏi của Cúc-Hương lắm, song nói dồng dài sợ e hao mất ngày giờ, bẵng nói một đôi câu lại e lời không gồm hết ý, nên chàng mới không nói. (Còn tiếp)

MÁY MÓN HÀNG CỰC KỲ RẺ

Nhung hai da toàn tơ nguyên giá 45 \$ một áo nay bán có 30 \$.

Nhung xanh dương, nu, toàn tơ nguyên giá 48 \$ nay bán có 32 \$.

Nhung nu và xanh dương hạng thượng, nguyên giá 35 \$ nay bán có 22 \$.

Nỉ đen và nỉ bông nguyên giá 8 \$ một thước nay bán có 3 \$ 50.

Cám nhung toàn tơ có đủ màu nguyên giá một thước 2 \$ 50 nay bán có 1 \$ 50.

Cám nhung bông (còn các màu hết đen) nguyên giá một thước 2 \$ 20 nay bán có 0 \$ 70.

Áo mưa The DRAGON là thứ áo mưa ăng-lê tốt nhất, nguyên giá 24 \$, nay bán 17 \$.

Bán tại Hiệu hàng lụa NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

48, Rue Vannier, 48 — Chợ-củ

SAIGON

HAI NGÔI SAO ÁI TÌNH

(Tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ TƯ

Một ngày kia ông Ngô-văn-Tây dắt hai đứa con trai đến viếng ông Châu-quốc-Luân.

Đứa lớn tên Quang-Viên, mặt mày sáng láng, trí hóa thông minh, ít kẻ sánh bằng. Từ lúc ở trường Sơ-học cho đến khi vào trường Bền-quốc thi đậu bằng Thành-chung, bất kỳ học ở lớp nào, cậu Quang-Viên cũng giựt giải như cũ.

Em Quang-Viên là Khắc-Minh, học không giỏi bằng anh, song cũng siêng năng cần học, không đến nỗi phụ lòng ông Quốc-Luân cháu cấp học-phi.

Khi gặp ông Quốc-Luân, ông Ngô-văn-Tây nói như vậy:

— Lâu nay nhờ ông cháu-cấp học phi, hai đứa nhỏ tôi học đã thành tài. Nay tôi dắt chúng nó đến đây, trước để cảm tạ ơn ông, sau để ông sử dụng thế nào, chúng nó sẽ hết lòng giúp ông mà dền ơn cố cấp.

Ông Quốc-Luân xem tướng hai trò, coi bộ ông bằng lòng lắm. Cái gương mặt thật thà của trò này, cũng như cặp con mắt thông minh của trò kia, cả hai đều có vẻ trung hậu hết thảy.

Bấy giờ ông Quốc-Luân mới hỏi hai trò:

— Nay hai cháu học đã thành tài rồi, hai cháu muốn xuống Saigon kiếm chỗ làm, hay muốn chủ kiếm giùm công việc cho mà làm, hoặc giúp đỡ công việc nhà của chú?

Quang-Viên lật đật đáp:

— Ngày nay hai anh em chúng tôi nên người, thật cũng nhờ ơn chú tế độ nhiều lắm. Không có chú giúp đỡ, cha mẹ chúng tôi nghèo, có tiền đâu mà cho chúng tôi ăn học cho đến nơi đến chốn được. Hiện nay, nếu chúng tôi xuống Saigon mà kiếm công việc làm ăn để lấy đồng tiền-lương phụ giúp cho cha mẹ chúng tôi thì cũng được rồi, nhưng chúng tôi là kẻ thọ ơn của chú rất nặng, trước khi muốn xin giúp việc cho người, phải đến tỏ cho chú biết trước mới phải. Thưa chú, sự nghiệp chú lớn, công việc chú nhiều, nếu chú có cần đến chúng tôi coi sóc giùm, thì chúng tôi lấy làm may mắn lắm. Làm việc với ai cũng vậy, nhưng làm việc với chú đã được gần gũi với cha

mẹ chúng tôi, mà lại còn được dịp tốt cho chúng tôi tận lực tận tâm giúp chú để dền ơn chiếu cố trong muôn một nữa.

Lời nói trung hậu mà hữu-lý, suông-sẻ mà rõ-ràng, ông Châu-quốc-Luân nghe qua lấy làm vui lòng đẹp ý lắm. Ông vuốt râu rồi nói:

— Như vậy lại càng hay. Chú sẽ kiếm cách dùng hết hai cháu, công việc chú không thiếu gì, chỉ thiếu người có tài và tin cậy, nay nếu hai cháu chịu giúp việc cho chú thì lại càng hay lắm. Chú sẽ tùy tài lực của hai cháu mà giao phó công việc.

Đòm thấy Khắc-Minh có tánh chăm chỉ cần-thần, ông Quốc-Luân tính giao việc ruộng nương cho chàng cai quản, song muốn cho chàng có đủ tư cách làm một ông chủ điền, ông tính phải gửi chàng vào học nơi trường Canh-nông thiết hành ở Bến-cát một ít lâu mới tiện.

Quang-Viên thông-minh bất-thiệp hơn Khắc-Minh, ông Quốc-Luân lại càng yêu dấu hơn nữa. Ông nói với ông Ngô-văn-Tây như vậy:

— Còn Quang-Viên để tôi tập cho nó làm việc mới được. Từ nay tôi bắt nó đi theo một bên tôi luôn và cũng ở luôn nơi nhà tôi đây nữa. Tôi dám chắc tôi dạy nó trong một năm, nó sẽ trở nên một tay cừ trong trường kinh-tế.

Ông Quốc-Luân tính thật không lầm.

Trong lúc Khắc-Minh học mỗi ngày một tấn tới, thì Quang-Viên cũng làm vừa lòng đẹp ý ông Quốc-Luân lắm. Ông Quốc-Luân đối với chàng như cha với con, còn chàng đối với Kiều-Nga và con Ngô thật không khác nào anh em ruột.

Quang-Viên làm việc siêng năng giỏi-giỏi, ông Quốc-Luân giao việc gì chàng làm cũng xong, cắt nghĩa điều gì chàng cũng hiểu lẽ lắm. Từ công việc cho đến lời nói, từ ông Quốc-Luân cho đến Kiều-Nga, con Ngô, chàng đều làm vừa lòng cả mọi người, chàng đều làm cho mọi người phải

HÃY HÚT THUỐC JOB

thương yêu kính trọng chàng, bởi vậy có lần ông Quốc-Luân nói :

— Thật, Quang-Viên không khi nào làm sai ý tôi bao giờ và lâu nay tôi chưa từng gặp thằng con nít nào có cái óc lạ như nó vậy.

Từ ra ông Quốc-Luân lắm !

Quang Viên tuy có tánh ngay thẳng, siêng năng và nhiều cái tánh tốt khác làm cho ông Quốc-Luân phải khen ngợi thật, song chàng cũng có cái lòng tham rất lớn, có khi nó sẽ giúp cho chàng làm nên việc cả, mà có khi nó cũng sẽ dắt dẫn chàng làm đều bất nghĩa được nữa.

Phải, Quang-Viên có lòng tham, bất kỳ làm việc gì chàng cũng muốn làm cho hơn người, cho được lợi lớn. Hồi còn đi học, chàng đã có dịp bày tỏ cái lòng tham ấy ra rồi, là đầu học ở lớp nào, ở trường nào, chàng cũng quyết giành với anh em cho được giải nhất. Hôm nay ra góp mặt với đời, cạnh tranh danh lợi ở giữa xã-hội, Quang-Viên muốn chiếm một cái địa-vị quan trọng ở dưới bóng mặt trời, bởi đắp cho cái địa-vị ấy rộng lớn mãi ra, là điểm cho cái địa-vị ấy rực rỡ thêm hoài, hề sức chàng còn làm được đến đâu là chàng quyết theo đuổi đến đó.

Cái địa-vị mà chàng mơ ước đó là địa-vị gì, và ở đâu ?

Hiện nay Quang-Viên còn chưa biết được.

Mà chàng cũng không cần tìm biết mà làm gì. Chàng cũng như nhiều kẻ thanh-niên khác, cứ ôm ấp một mối hi-vọng mà chờ thời, thế nào một ngày kia nó cũng sẽ đến.

Lúc bấy giờ chàng vẫn an tâm mà nghe lời dạy

LA REVUE DU CINEMA

CHỚP BÓNG

Chớp bóng là một tập luận báo bằng quốc-văn nói rộng về hát-bóng, xuất bản tại Hanói do ông Đặng-trung-Duyệt chủ trương.

Cách in thật khéo, số nào cũng có rất nhiều hình ảnh đẹp lắm. Mỗi số giá có 0 \$ 10.

Từ ngày Chớp bóng ra đời đến nay đã được 16 số rồi (từ số 1 tới số 16), có gởi bán tại báo-quán Phụ nữ Tân-văn. — Ai muốn có đủ báo Chớp bóng từ số 1 cho tới số 16 ra ngày 4 Aout 1932 để làm collection xin đến báo-quán P.N.T.V. mua ngay kẻo hết.

báo của ông Quốc-Luân, đem hết tài trí của chàng ra mà làm cho ông vui lòng. Khi nào rảnh rang, chàng đọc sách, xem báo, đọc hết một cái tủ sách của ông Châu-quốc-Luân kia cũng bỏ lách cho tri não chàng không biết bao nhiêu mà kể.

Hai đứa con nhỏ của ông Ngô-văn-Tây là Kim-Cúc và Quế-Thành ít hay đến nhà ông Quốc-Luân lắm.

Kim-Cúc là một đứa con gái hiền lành dễ thương, bà Ngô-văn-Tây vừa lo công việc nhà vừa dạy nó học chữ quốc-ngữ, chứ không có cho đến trường, chỉ có một mình Quế-Thành được đi học mà thôi.

Quế-Thành khác hẳn hai anh nó. Nó đã làm biếng làm nhác mà lại hay nói lảm, bị Khắc-Minh rầy hoài bởi vậy nó không thương hai anh nó một chút nào.

Tuy vậy, Quế-Thành là con út nên bà Ngô-văn-Tây có ý cưng nó, và bởi vậy nó nên bà mới không thấy chỗ hư của nó, và cũng không biết được bà cưng nó như vậy là làm hư cho nó đó.

(Còn tiếp)

ĐẦU KHUYNH-DIỆP, ra đời bốn năm nay, đã nổi tiếng là :

vừa hay, vừa rẻ, vừa rõ ràng là nội-hóa

Trong lúc kinh-tế khủng-hoàng, hàng hóa gì cũng ế ẩm mà món đầu Khuynh-Diệp thời bán cứ càng ngày càng thêm chạy. Buồn đầu Khuynh-Diệp lại lời nhiều.

Ở Nam-kỳ, mua huôn, làm Đại-lý, gởi thơ cho nhà đồng-đại-lý :

Hiệu NGUYỄN-VĂN-TRẦN
94, 96 Boulevard Bonnard, 94, 96
SAIGON

ĐẦU KHUYNH-DIỆP

vi tiếng lăm xứng đáng và công-hiệu rõ ràng nên được thưởng luôn :

Long-Bội-Tĩnh năm 1930; Kim-Khánh hạng nhì và Ngân-tiền hạng ba năm 1931; Một pho tượng gỗ với danh-dự chung-chỉ theo cuộc Đấu-Xảo Tri-Tri Hải-phong; Ngân-Tiền hạng nhất với phần-thưởng hạng nhất theo cuộc Đấu-Xảo Mỹ-Nghệ Huế; Danh-dự chung-chỉ theo cuộc Đấu-Xảo Khoa-Học Hanói; Bằng-cấp hạng nhất theo cuộc Hội-Chợ Phụ-Nữ Saigon.

Nhà chế-tạo: VIÊN-ĐỆ. 11, Quai de la Susse HUE.
Giấy thép in: Viende Huế Giấy-nói: 87
Số nấu dầu tại Phương-Xuân (Quảng-Binh)
Kho chứa dầu nước tại Đông-Hới.

(Dịch truyện lấy)

ĐÒI CỎ ĐẰNG

(Tiếp theo)

HỒI THƯ NĂM

Cái biên-lai

Mã-Lợi với Đào-Danh, khi để cho chiếc xe hơi nhào xuống dòng thủy-triều sông Loa rồi, liền chạy ẩn nơi cái khe ở dựa bên đường.

Chúng nó ở đó hồi lâu mà chưa định lộ ra đường nào, cả hai đều tái mặt, như đã chết rồi. Như là Đào-Danh run-rẩy như kẻ đang cơn sốt rét.

Mã-Lợi thì tỉnh-táo hơn.

Thật, chẳng phải vì tự-hối mà hai đứa sát-nhơn hẳn loạn thế kia; chúng nó sợ, sợ một cách lạnh-lùng, e có con mắt nào ngó thấy sự tàn-ác của chúng nó vừa làm.

Phải, chúng nó có tự-hối chút nào !

Trước khi thì hành cái mưu ám-sát này, chúng nó đã nghĩ-suy, đã trù-lính lâu lắm.

Có kẻ gì ! Chúng nó chỉ thấy có hai điều: nhiều tiền là sung-sướng, là nên sống; lỗ-lã, suy-sụp thì dám chết vậy.

Nói một lời, tiền bạc là cái lý sanh-tồn của chúng nó mà thôi.

Cho nên, đầu phải làm đều chi tối-tệ đến nước nào, ở-trước đến nước nào, tàn-ác đến nước nào, miễn cho được giàu sang thì chúng nó làm được cả.

Nhắc lại, chúng nó còn nằm núp nơi khe đất. Bấy giờ trời đã mập-mờ, Mã-Lợi đã bình-tĩnh, ngánh đầu qua tên đồng-loà của nó. Thấy Đào-Danh nằm ngay đơ, Mã-Lợi xấp lại gần mà lúc-lắc dường như thử xem coi đứa khốn kia đã sống hay đã thối hờn theo Kiệt-Lư rồi.

Đào-Danh dụi mình nháy-nhôm, dường như mới tỉnh một giấc chiêm bao rất hãi-hùng. Nó trơ con mắt lơ-dờ mà nhìn Mã-Lợi.

Mã-Lợi thấy vậy nằm Đào-Danh mà lúc-lắc nữa làm cho đứa bợm nhác ta la lên rằng :

— Ê! đừng! đừng !!

Mã-Lợi sợ chúng nghe, bùm miệng Đào-Danh lại nạt nhỏ rằng :

— Đồ thối-đế nạt diên rồi hả ?

Đào-Danh lập-cập nói nhỏ :

— Còn một lăm, để cho tôi nghĩ chút nữa mà.

Mã-Lợi:

— Tu không nên nằm đây mà đợi chúng thộp ngực chớ, phải không? Vậy thì phải đi chớ. Gần tối đen rồi.

— Khoan, một lát nữa đã anh, tôi đã tận lực!

— Ặ, thà chú nó nói! Nhưng cái gan của chú nó heo ăn rồi hay sao? Mèn ơi! Đàn ông như thế sao? Này, chúng ta đã khởi sự rồi, thì phải làm cho đến cùng, gắng gương lên coi nà! Đừng đợi đến rạng đông rồi mới xách cái hoa-ly của nó mà đi kè-kè đó chớ?

Mã-Lợi bước lên gò đất, dóm xung quanh chẳng thấy chi là đáng nghi-ngờ, mới kêu Đào-Danh, rằng:

— Thôi, đi về! lúc này nên mau chơn, đi!

Đào-Danh còn muốn ở lại nữa, vì tay chơn đã búng rùng hết rồi, nhưng không dám cãi đứa đồng-loà đã ngáy kia, bèn gương đứng dậy mà theo Mã-Lợi.

Khi dóm xung-quanh rồi, chúng nó trở lại chỗ mà chúng nó đã làm ra tội ác.

Cái xe, phần nửa chìm dưới nước. Kiệt-Lư nằm sùi gân bên; cái hoa-ly kể đó.

Mã-Lợi ra đầu bèo Đào-Danh xách gói, còn chính mình thì đi khấn thầy của Kiệt-Lư.

Nơi đầu của viên bác-vật, phía sau lỗ tai bên mặt, có một đốm máu to. Coi cho kỹ thì thấy một vết lờn nơi sợ.

Mã-Lợi kể tai gần miệng Kiệt-Lư mà nghe: không còn dấu gì là sống cả! Khàn xong, đứa thối-phạm ra đầu cho Đào-Danh rằng đã xong rồi.

Đào-Danh xách hoa-ly. Cả hai đồng thưởng lộ. Bấy giờ nên đi tới hay trở về?

Chúng nó nghĩ nên đi tới. Hồi-hả đầu được vài cây số, hai bợm đã đến một cái chợ nhỏ mà chúng nó không màng xem cho biết tên là chợ gì, bởi lòng thối-mắc, hồi-hả muốn mau có chỗ phải thể dặng mở cái hoa-ly qui-báu.

Lúc này mới hối-rối: đêm nay trú-ngủ nơi nào cho dặng vững lòng?

HÁY HÚT THUỐC JOB

PHU NU TAN VAN

Nếu đến quán thì người ta sẽ hỏi chúng nó ở đâu mà đến chừng này... Và có lẽ hình-dạng cũng là cách đi đường của chúng nó như vậy sanh ra việc hờ-nghĩ. Biết đâu chừng sẽ có sự ... lỗi-thời? Những lũ gian-tà thường phải mệt lòng lo sợ luôn-luôn như vậy.

Phen này thì cũng Mã-Lợi nghĩ ra chước nhem để cho khỏi bị nghi-ngờ. Chúng lên vào nhà ga, rồi trở ra cho được nhiều người thấy.

Dòm ra đường cái, thấy có đường rầy nằm ngang, hai bọm biết rằng thế nào gần đó cũng có công xe, không thì cũng có cầu.

Thời may, cách ga chừng hai mươi thước có cái xe chạy ngang qua đường rầy; chúng nó nhờ vậy mà núp qua nhà ga, không bị ai thấy.

Lúc ấy đã làm giờ tối. Trong một cái chợ nhỏ thì giờ đó người và vật đã hầu ngời-ngời hết.

Mã-Lợi, Đào-Danh thấy cửa rào nhà ga mở hoát, bèn bước vào, muốn cho người ta thấy mình mà lúc đó thì chẳng có ai lai vãng.

Song, có một người, chắc là thầy thợ chi ở đó, đi đến, tay xách lồng đèn.

Mã-Lợi gặp hỏi nên chường mặt, bước đến hỏi người xin chỉ giùm chỗ nào ăn uống và nghỉ-ngơi.

Viên chức-việc ấy dòm hai người lạ mặt một cách nghi-hoặc, tự hỏi vậy chờ ở đâu mà đến hai vị ăn mặc sang trọng thế kia.

Viên ấy biết rằng hai người khách chẳng phải đến đây bằng xe-lửa. (Còn tiếp)

YÊN-KỶ-NHI

Là tựa cuốn sách xã-hội tiểu-thuyết rất có giá-trị của ông Lê-Trung-Nghĩa đang in gần xong, tại nhà in Joseph Nguyễn-vân-Việt.

Đồng-báo đọc hết thấy tiểu-thuyết rồi, nên đọc cuốn « YÊN-KỶ-NHI ».

Chưa đọc tiểu-thuyết hay, nên rước đọc « YÊN-KỶ-NHI » cho biết là sách có giá-trị.

Đọc hết cả sách rồi mà không đọc « YÊN-KỶ-NHI » thì chưa phải là người biết đọc sách vậy.

Chứng nào đứa trẻ đã lớn lên
mà sữa không đủ cho nó dùng thì phải cho nó ăn

BỘT SỮA **HIỆU**



NESTLÉ **Con Chim**

là một thứ vật thực lành, bổ, và dễ tiêu hóa.

Hàng NESTLÉ số 35 đường Mac-Mahon có sách dạy nuôi dưỡng con nít bằng chữ Quốc-ngữ của Bác-sĩ Vidal. — Quý bà quý cô muốn dùng xin hỏi tại hàng sẽ gửi không.



Ý-KIỆN CỦA TÔI ĐỐI VỚI BÀI:

“TÔI MUỐN KINH TẾ KHUẨN BÁCH”

Tôi cũng còn nhỏ. Tôi viết bài đăng báo lần này cũng là lần đầu. Tôi thấy bài « Tôi muốn kinh-tế khuẩn-bách » của một bạn học-sanh viết, tôi phục, tôi xin biểu đồng-tình.

Thấy chẳng nín được, chẳng nệ cười chê, đem những điều tôi biết, tôi nghĩ, để viết ra đây.

Bài đó, theo tâm-ly của tôi thì đúng vô cùng.

Phải, nhờ nạn kinh-tế khuẩn-bách này, người mình mới mở mắt tinh ngộ, mới biết lo làm ăn và mới có não sáng-chế (l'esprit d'initiative) như bạn tôi đã nói. Chẳng phải thế mà thôi, lại còn biết tu chỉnh lấy thân mình nữa.

Xã-hội ta bớt cờ bạc, hoang đàng, hút xách, có thân-ái, có đoàn-thề, cũng nhờ nạn kinh-tế khuẩn-hoàng này!

Nghĩ mà coi, phần nhiều người mình, khi làm ăn dễ dàng, thối thì, ngày nay làm dư tiền ngày mai nghĩ. Chẳng những họ nghĩ ở nhà, mà lại chum ba đám bầy, cờ bạc rượu chè, chơi bời thả cửa.

Chưa chịu làm ăn cho té tiền mà để dành lúc ốm đau, khi hữu sự, lựa là nói chuyện tranh đấu với ai.

Tóm lại, cái nạn kinh-tế khuẩn-bách này là một cái gương tốt

để cho người mình soi đó mà tu thân, mà biết trọng sự làm việc, và biết qui đồng-tiền. Về phần anh em chị em học-sanh chúng ta, nên gắng công rèn tập đèn sách. Chúng ta chớ thấy bước khó khăn mà ngã lòng, mà phải rán bước tới, bước tới hoài. ...Ta hãy coi con kiến kia tha mỗi lên giốc bị té, bị ngã mấy mươi lần, nào nó có sờn lòng nản chí đâu? Nó cứ leo hoái, chẳng bao lâu, nó lên khỏi giốc, đoạt được mục-dịch!... Chúng ta cũng vậy. Gặp việc khó khăn bao nhiêu, ta cũng nên gắng chí, bền lòng. Nước-nhà ta mai sau được vẻ vang thanh-vượng như nước người, hà chẳng phải trông cậy vào anh em chị em chúng ta ư?

Chúng ta nên mở mắt xem gương nước Xiêm, nước Nhật, 30 năm về trước và hiện thời ra sao?

Ước mong bài này đăng ra có anh em chị em nào phê-bình.

ĐỒ-NHỜNG Phương
Học-sanh (HUẾ)



Chung quanh cuộc thi mùa xuân

Cuộc thi mùa Xuân của Phụ-nữ Tân-vân có đặt một câu hỏi về việc hôn-nhơn, để đọ thử ý-kiến của chị em độc-giả coi muốn để tùy ý mình chọn lựa người bạn trăm năm cho mình, hay để tùy ý cha mẹ định đầu mình sẽ ưng đó.

Đặt câu hỏi ấy ra, chúng tôi tin chắc trong 10 người sẽ đáp rằng mình, muốn để « tùy ý mình chọn lựa bạn trăm năm » cả 10, không để trong số gần 100 vị độc-giả dự cuộc thi, lại có năm ba có thiếu-nữ lại muốn để « tùy ý cha mẹ định đầu ưng đó. »

Tại sao có năm ba có lại muốn như vậy? Muốn biết tại sao, có Bích-Liên ở Baria, là người ứng điều thứ nhất của cuộc thi của Đồn-báo, có cái nghĩa rất rõ ràng, chúng tôi xin đăng ra dưới đây cho độc-giả thường thức.

Kỳ sau chúng tôi lại sẽ đăng bài khác, của một cô ứng điều thứ nhì của cuộc thi, nghĩa là bài ấy trái hẳn với ý-kiến cô Bích-Liên; để độc-giả suy xét coi ý-kiến nào hợp thời hơn vậy. **Mộng-Hoa**

Trả lời câu hỏi thứ nhất

Đành rằng cuộc hôn-nhơn là trọng, có nhiều quan-hệ cho tương-lai của người đời, song nếu tôi ứng điều « Đầu khi là thăm chi hồng, nên hư thì cũng tại lòng mẹ cha » là bởi những duyên cớ sau này:

1. Tôi vẫn biết cha mẹ tôi là người đứng-dẫn, đáng lãnh phần trách-nhiệm gia-đình, và có đủ trí-ly phân-đoán hơn tôi, mà lo lường cho duyên phần tôi trọn đời được đầm-ấm.

2. Vì tôi quyết giữ cái trật-tự (discipline) của gia-đình tôi, tại gia từng phụ, hầu làm cho tròn bổn phận của tôi đối với cha mẹ.

3. Nghĩ vì óc- não (mentalité) của người mình phần nhiều còn hèn kém, thấp-thời hơn óc- não của người phương Tây, nên tôi xét tưởng lối tự-do chọn lựa « ý-trung-nhân », không phải là điều hay, như là cho bạn nữ-lưu nào sanh vào cảnh gia-đình mà có cha mẹ biết làm trọn phận sự.

4. Lối tự-do chọn lựa có thể dễ làm cho ta lầm-lạc hơn, vì biết đâu rằng trong khi chọn lựa, thân phận thơ đào không có đủ nghị-lực chống chọi nổi với cái ái-tình giả-dối của người đời mà họ thường dùng, dặng mê hoặc ta và che lấp cả sự xấu bên trong của họ.

5. Vì thấy lòng dạ người đời phần nhiều đời-dời một cách vô chừng, nay vậy, mai khác, và tưởng như họ đã bị cái bệnh truyền-nhiễm « giàu đời bạn, sang đời vợ » ăn sâu vào mạch máu, vào óc rồi, nên tôi chưa ắt rằng lối kết duyên tự mình chọn-lựa là có phúc-hạnh hơn là để cho mẹ cha liệu-định.

Thà rằng vâng theo lời cha mẹ định, đành đầu ưng đó, rồi như mai sau thân phận ta có bạc mạng thế nào, tưởng lại cũng ít buồn hơn là tự nơi ta như định mà bị lầm-lạc.

Vậy ý-kiến tôi đối với hôn-nhơn là thế, nhưng ngắm lại người đời nếu ai ai đều tập được tánh tình cho cao thượng, bỏ được hăng-tự-tướng xấu-xa ra ngoài đầu-óc (purger l'esprit de toutes mauvaises pensées) và như là bạn nữ-lưu ta đừng có lánh đẹo bông, tự-phụ vì tái-học, biết dung cái ngoan, cái khôn của mình mà vẽ mây cho anh-bạn chung-tình, biết an vui theo phận, thì có lo chi thân gái bên nước 12, bên trong, bên đực ???...

Lựa là kén chọn thế nguyên !...
Mình lòng khéo ở, thì duyên môn mà !...
Nên hư chỉ cũng vì ta.
« Tam-tàng » biết giữ, mới ra gái hiền !
Mile Bich-Lien
Baria

Một vài chuyện ngộ CỦA ÔNG ALBERT LEBRUN

Quan Tổng-thống Pháp, ông Albert Lebrun, lúc còn đi học đã nổi tiếng là một cậu học trò rất giỏi. Học lớp nào cũng đứng thứ nhất, nhưng đến kỳ thi vào trường Võ-bị lại bị rớt xuống cuối số, nên ngài buồn ý, viết thư xin thôi, không vào học thêm đề sang năm thi lại.



Albert LEBRUN

Một ông cụ, người bạn thân của ông thân-sanh ngài thấy vậy bèn kêu ngài lại mà nói rằng :

— Con thì không đậu, nhưng nếu con cứ rán học, sang năm thi ra đậu đầu, có biết chừng đâu.

Ông Lebrun bèn nghe lời ấy mà rán học. Thiệt quã hai năm sau ở trường Võ-bị thi ra, ngài đỗ thủ-khoa (đậu số 1) liền.

Năm trước, khi có cuộc bầu cử Tổng-thống đề thế cho ông Gaston Doumergue, kết-quả ông Lebrun chỉ được có 4 lá thăm vồn-vẹn.

Bấy giờ ông cụ kia lại đến nói :

Giáo dục Huế-kỳ

Hết năm học, trước khi bãi trường, hết thầy học-sanh các trường ở Huế-kỳ đều phải tuyên thệ như vậy :

« Tôi nguyện không tàn-hại một cái cây, ngắt một nhánh bông. Tôi nguyện không nhò bậy trên xe điện, trong lớp học, nơi công-sở hoặc ở trên lề đường.

« Tôi sẽ không phá hư một hàng rào hay một lối nhà nào. Tôi sẽ không liệng giấy, xả rác ra ở nơi công-quản. Tôi bao giờ cũng xin dùng một giọng nói lễ phép. Tôi sẽ bảo-hộ cho loài chim chóc. Tôi sẽ bảo-hộ cho tài sản của người khác cũng y như tôi muốn người ta bảo-hộ cho tài sản của tôi. Tôi nguyện làm một người công-dân thành-thiệt và trung-tín ».

Nếu những người Huế-kỳ, khi đã lớn tuổi, thôi học, mà còn giữ mãi được cái mỹ-đức trong khi tuyên-thệ ấy thì chẳng hay lắm ư ?

T. S.

— Lần này con lại kém cả mọi người ! Xưa kia ở trường Võ-bị, chỉ mất công học có 2 năm là thi ra, con đậu trên người ta hết, nhưng lần này con lại phải chờ đến mấy năm nữa ?

Ông Nghị-viên quận Meurthe-et-Moselle (tức là ông Lebrun) lộ vẻ buồn bực mà đáp :

— Phải chờ đến 7 năm nữa ! Ông lão cười rồi nói :

— Biết chừng đâu, con !

Cái câu nói chơi ấy, thế mà có thiệt. Ông Paul Doumer lên ngôi trên ghế Tổng-thống vừa đầy một năm là bị ám sát, kế ông Albert Lebrun lên thay cho ngài liền.

Té ra lời ông cụ kia nói chơi mà thiệt !

T. T. N.

Vừa được xinh đẹp và khôi phá x-xi, nếu chưa tôn bầy mua hàng lựa hiệu

« CÁ - ÔNG »

Những hàng lựa của nhà

L. WEGELIN

đều nổi danh trong khắp cả toàn cầu.



Nơi các tiệm buôn bán hàng lựa lớn đều có bán những thứ hàng trên đó.

CÁCH TRỪ BỆNH HO

Qui ngài có bệnh ho, xin chờ đề lâu khó trị. Các chứng ho như là : Ho phong, ho gió, ho siêng, ho cảm, đần-bà ho máu, ho đám, ho khạc ra máu ho cho đến đổi khàn tiếng, xin qui ngài hãy nhớ mua cho được THUỐC HO (BẮC - BỬU) dùng trong mười phút đồng-hồ thì thấy hạ đám, hết ngứa cổ trong mình rất dễ chịu, một ngày thì hết ho (thieu thuốc này có cứu chứng tại Tôn) và khắp cả Đông-Pháp có hơn 150 nhà đại-lý bán.

Tôi dám bảo kiết, và dám nói quả quyết rằng, dùng thuốc này thì hết ho. Sự hay của thuốc nói không cùng, dùng rồi mới rõ lời nói tôi là đúng với sự thật. Saigon có trữ bán nơi tiệm cổ Nguyễn-thị-Kính và tiệm Alphonse Đông ở tại góc chợ-mời. Các tiệm bazar, và các gare xe-điện đều có bán, từ gare Bình-tây tới gare Thủ-dầu-một, xin hỏi mấy gare đó thì có, chờ tôi không có số bán. Mua số do nơi nhà độc-quyền đại-lý khắp cả Đông-Pháp.

M. Nguyễn-vân-Phổ boîte postale n° 63 - Saigon

Giá mỗi gói 0\$14

PHÒNG KHẨN BỆNH BẰNG MÁY ĐIỆN
Cabinet d'Electro Radiologie medicale

Bác-sĩ Pierre MASSARI

Suất thân ở Y-viện Paris

Khi-cụ quang tuyến X kiểu tối tân rất mạnh, có thể xem thấu các tạng phủ ở trong, và để đoán được bệnh chứng. Trị hầu hết các bệnh bằng sức điện, dùng khi-cụ tinh-xảo có quang-tuyến (Rayon infra rouges et Ultra violets, Diathermie et Haute Fréquence) và lưã điện.

Khẩn bệnh sớm mai từ 10h.30 đến 12h.
Rước đến nhà thì sớm mai từ 8h. đến 10h.30 chiều từ 3h. đến 6h.

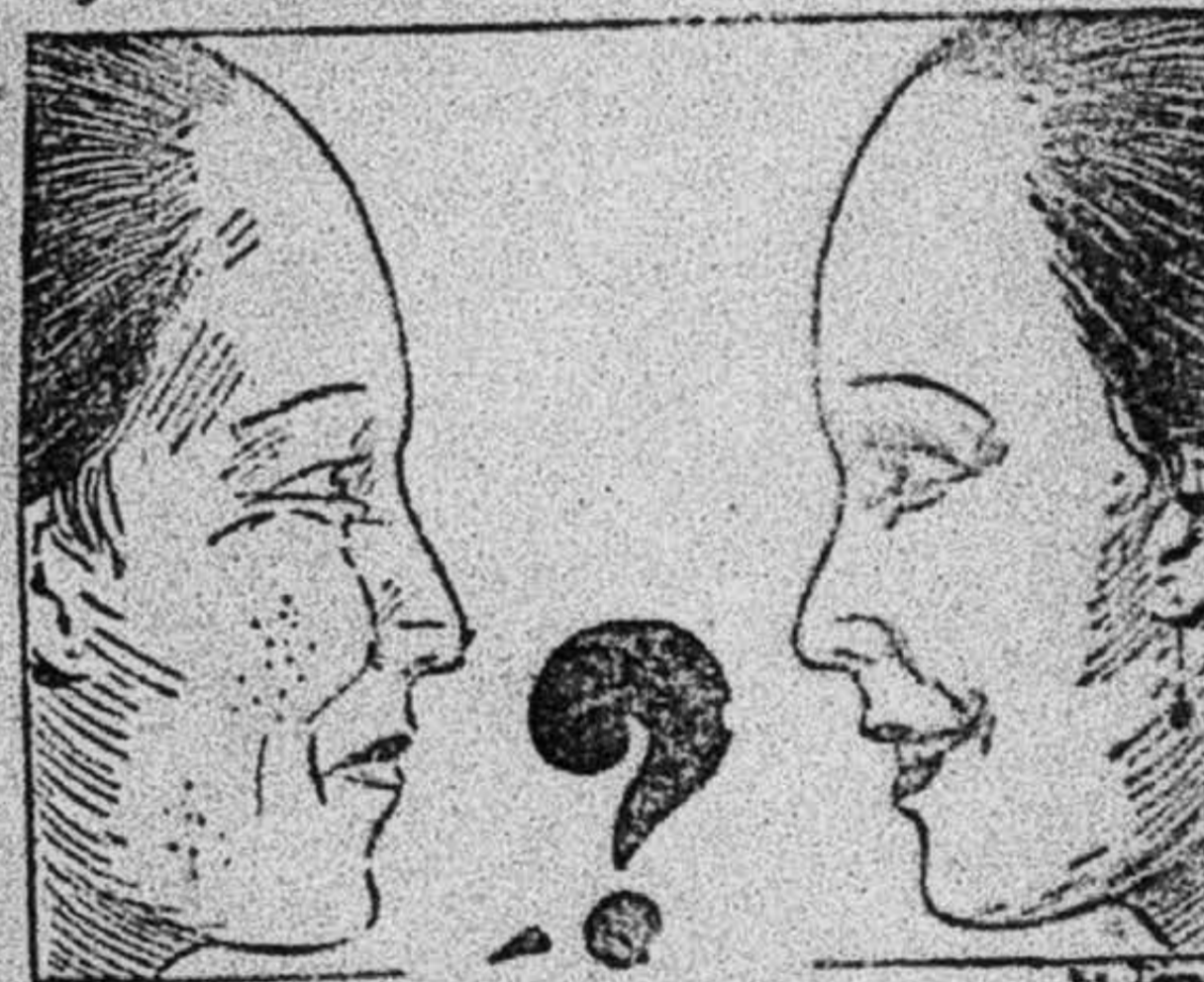
10 Rue Taberd

Giấy nói số 521

THÊU MÁY !

Thêu theo kiểu Tây (Broderie moderne).
Có đủ kiểu và đồ phụ-tùng.

Hỏi thăm Mme Huân, 200 rue d'Espagne - Saigon.



Thưa các bà,

Nếu như mắt các bà có nút ruồi, có bụi, da mặt có rằn, nước da vàng và có mờ xanh rịn ; tức rung lông mi mắt không dày ; mắt không sáng sủa v... v...

Muốn trị những chứng đó, thì xin các bà dùng những dầu phân của Viện-Mỹ-Nhơn « KÉVA » chế ra.

Nhiều bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu.

Tôi xem khỏi trả tiền. Ai xin catalogue, sẽ gửi cho, không lấy tiền.

Mme MOISAN

Viện-Mỹ-Nhơn Kéva

10, rue Chasseloup-Laubat, Saigon

Téléphone 755

HÃY HÚT THUỐC JOB